



**Đề cương**

**Đường lối cách mạng Đảng  
cộng sản Việt Nam**

CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CSVN VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG.....	3
I - Sự biến đổi về kinh tế xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp (trong cuối những năm của thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX).....	3
1. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam .....	5
2. Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.....	7
3. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam.....	7
III - Hội nghị thành lập Đảng, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và ý nghĩa sự ra đời của Đảng CSVN.....	8
1. Hội nghị thành lập Đảng.....	8
2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.....	8
3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.....	9
CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)..	9
I. Hoàn cảnh ra đời, nội dung, ý nghĩa “Luận cương chính trị tháng 10 - 1930”.....	9
1. Hoàn cảnh ra đời.....	9
2. Nội dung luận cương.....	9
3. Ý nghĩa của luận cương: .....	10
II. Chủ trương & nhận thức mới của Đảng về vấn đề dân tộc & dân chủ giai đoạn 1936 - 1939.....	11
1. Khái quát hoàn cảnh lịch sử.....	11
2. Chủ trương nhận thức mới của Đảng .....	12
III. Hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa sự chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng giai đoạn 1939-1945.....	12
1. Hoàn cảnh lịch sử.....	12
2. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.....	13
3. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.....	13
IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử của Cách mạng tháng 8 1945.....	14
1. Nguyên nhân thắng lợi.....	14
2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng 8 .....	14
3. Bài học kinh nghiệm.....	14
CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP - MỸ (1945-1975).....	15
I - Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp...15	15
1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946).....	15
2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954).....	17
II - Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước - thống nhất Tổ quốc (1954-1975)...20	20
1. Đường lối GD 1954-1964.....	20

2.Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm.....	22
<b>Chương IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP, HÓA HIỆN ĐẠI HÓA.....</b>	<b>23</b>
I - Chủ trương, kết quả, hạn chế, nguyên nhân của CNH trước thời kì đổi mới.....	23
1.Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá.....	23
2.Kết quả của CNH trước thời kì đổi mới.....	24
3.Hạn chế của CNH trước thời kì đổi mới.....	24
4.Nguyên nhân của những hạn chế .....	25
II - Quá trình đổi mới tư duy về CNH -HDH của Đảng từ ĐH VIII đến ĐH X.....	25
1.Đại hội VIII (6/1996) .....	25
2.Đại hội IX (4/2001) và Đại hội X (4/2006) .....	25
III - Mục tiêu, quan điểm CNH - HDH của Đại hội Đảng X.....	25
1.Mục tiêu.....	25
2.Quan điểm.....	26
IV- Nội dung, định hướng CNH-HDH gắn với phát triển k. tế tri thức.....	27
1.Nội dung.....	27
2.Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình CNH - HDH gắn với kinh tế tri thức.....	28
V - Kết quả, ý nghĩa, hạn chế, ng.nhân của CNH-HDH thời kì đổi mới.....	30
1.Kết quả.....	30
2.Ý nghĩa.....	30
3.Hạn chế.....	30
4.Nguyên nhân.....	31
Câu hỏi: Phân biệt công nghiệp hóa và hiện đại hóa:.....	31
Tại sao phải tiến hành công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa:.....	32
<b>CHƯƠNG V: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN</b>	<b>32</b>
I - Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường qua các Đại hội Đảng VI, VII, VIII, IX ,X.....	32
1.Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII.....	32
2. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X.....	33
II -Quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.....	34
1.Mục tiêu và điểm cơ bản.....	34
2.Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN.....	35
3.Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.....	37
<b>CHƯƠNG VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ.....</b>	<b>37</b>
I - Đường lối xây dựng hệ thống chính trị trước thời kì đổi mới (1945-1989).....	37
1.Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị .....	37
2.Đánh giá thực hiện đường lối.....	39
II - Đường lối xây dựng hệ thống chính trị trong thời kì đổi mới.....	39

1.Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị của đảng.....	39
2.Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới	40
<b>CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI.....</b>	<b>42</b>
I - Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng, phát triển nền văn hoá thời kì đổi mới đất nước.....	42
1.Khái niệm văn hoá Việt Nam.....	42
2.Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá.....	42
3.Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về phát triển KT-XH.....	43
II - Quá trình đổi mới nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề XH thời kì đổi mới đất nước .....	45
1.Quá trình đổi mới nhận thức về các vấn đề XH .....	45
2.Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH.....	46
3.Chủ trương giải quyết các vấn đề XH.....	46
<b>CHƯƠNG VIII: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI.....</b>	<b>47</b>
I - Quá trình hình thành, phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng....	47
1.Hoàn cảnh lịch sử .....	47
2.Các giai đoạn hình thành và phát triển đường lối. ....	48
II - Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.....	50
1.Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo.....	50
2.Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.....	51
III - Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.....	51
1.Thành tựu và ý nghĩa.....	51
2.Hạn chế và nguyên nhân.....	52

## **CHƯƠNG I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CSVN VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐÀU TIÊN CỦA ĐẢNG**

### ***I - Sự biến đổi về kinh tế xã hội Việt Nam dưới sự thống trị của thực dân Pháp (trong cuối những năm của thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX)***

- Sau khi dập tắt phong trào đấu tranh của nhân dân, Pháp từng bước thiết lập bộ máy thống trị ở VN
- Chính sách cai trị của thực dân Pháp:
  - Về chính trị:
    - + Pháp áp đặt chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội và đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn.
    - + Chia Việt Nam thành 3 xứ: Bắc kỳ, trung kỳ và Nam Kỳ và thiết lập chế độ cai trị riêng.Đứng đầu xứ Nam kỳ là quan thông đốc, đứng đầu xứ Trung Kỳ là quan Khâm sứ, đứng đầu Bắc Kỳ là quan thống sứ.

- + Thực dân Pháp đã câu kết với giai cấp địa chủ để bóc lột về kinh tế và áp bức chính trị đối với nhân dân ta.
- Về kinh tế:
  - + Thực dân Pháp thực hiện chính sách bóc lột: cướp đoạt ruộng đất để lập đồn điền, khai thác tài nguyên, xây dựng một số cơ sở công nghiệp, đường giao thông, bên cạnh phục vụ cho chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.
  - + Chính sách khai thác thuộc địa đã làm biến đổi cơ cấu kinh tế ở nước ta, (xuất hiện các ngành mới) du nhập QHSX TBCN, thúc đẩy kinh tế hàng hoá phát triển, nền kinh tế Việt Nam lệ thuộc vào tư bản Pháp.
  - Về văn hóa: Thực dân Pháp thực hiện chính sách văn hoá, giáo dục thực dân: duy trì các hủ tục lạc hậu (đầu độc bằng thuốc phiện, bằng rượu, thực hiện chính sách ngu dân để cai trị...).

Tình hình các giai cấp và mâu thuẫn cơ bản trong xã hội

- Cơ cấu xã hội biến đổi sâu sắc: xuất hiện các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội:
- + Giai cấp địa chủ: Giai cấp địa chủ câu kết với thực dân Pháp tăng cường bóc lột áp bức nông dân. Tuy nhiên g/c địa chủ có sự phân hoá, một bộ phận yêu nước tham gia đấu tranh chống thực dân pháp.
- + Giai cấp Nông dân: là lực lượng đông đảo bị áp bức bóc lột, ngày càng bị khốn cùng nên tăng thêm lòng căm thù đế quốc và phong kiến tay sai.
- + Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914) ra đời tập trung ở các thành phố và vùng mỏ: Hải Phòng, Hà Nội, Sài Gòn, Nam Định, Vinh, Quảng Ninh. Năm 1914 có 10 vạn thì năm 1929 có 22 vạn công nhân.

**Đặc điểm:** Xuất thân từ g/c nông dân, ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc, sớm được tiếp thu ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, nhanh chóng trở thành lực lượng chính trị tự giác.

- + Giai cấp tư sản Việt Nam ngay từ khi vừa ra đời đã bị tư sản pháp và tư sản người Hoa cạnh tranh nên có lực lượng nhỏ bé, yếu ớt, không đủ điều kiện để lãnh đạo cách mạng dân tộc, dân chủ thành công.
- + Tầng lớp tiểu tư sản Việt Nam: Bao gồm học sinh, trí thức, viên chức ... trong đó học sinh và trí thức là bộ phận quan trọng.  
Đời sống của tầng lớp này nghèo khổ, dễ trở thành người vô sản, họ có lòng yêu nước, căm thù thực dân Pháp xâm lược, lại bị ảnh hưởng bởi những tư tưởng tiến bộ bên ngoài, nên họ là lực lượng có tinh thần cách mạng cao.

• Các mâu thuẫn chủ yếu:

- Mâu thuẫn chủ yếu giữa nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến
- Mâu thuẫn vừa cơ bản, vừa chủ yếu và ngày càng gay gắt đó là: mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam và thực dân pháp xâm lược.
- Trước bối cảnh đó, ở Việt Nam đặt ra 2 yêu cầu:
  - + Thứ nhất, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân.
  - + Hai là, xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho nhân dân, chủ yếu là ruộng đất cho nông dân.

Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ hàng đầu.

## **II - Phong trào yêu nước theo khuynh hướng cách mạng vô sản**

**1. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam**

- Trong 10 năm đầu của quá trình tìm tòi đấu tranh:
  - Năm 1911, Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước.
  - Trong quá trình tìm đường cứu nước, người đã tìm hiểu kỹ các cuộc cách mạng điển hình trên thế giới: đánh giá cao tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái và quyền con người của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như cách mạng Mỹ (1776), cách mạng Pháp (1789) nhưng cũng nhận thức được các hạn chế của cách mạng tư sản.
  - + Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm tìm hiểu đến cách mạng tháng 10 Nga năm 1917, Người rút ra kết luận: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật sự”.
  - Năm 1919 Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng xã hội Pháp (Đảng của quốc tế 2- chất cách mạng còn nhiều).
  - Năm 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc bản: Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin; nội dung:
    - + Lên án chủ nghĩa đế quốc, thực dân đã nô dịch bần cùng hoá nhân dân các nước thuộc địa.
    - + Kêu gọi các dân tộc thuộc địa đứng lên đấu tranh.
    - + Phong trào đấu tranh các nước chính quốc phải có trách nhiệm giúp đỡ các phong trào ở nước thuộc địa.
    - + Phong trào đấu tranh ở các nước thuộc địa phải liên kết với phong trào đấu tranh ở chính quốc.
  - Tại đại hội đảng xã hội Pháp (12-1920), Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Người- từ người yêu nước trở thành người cộng sản và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn “con đường cách mạng vô sản”.

Tóm lại trong 10 năm của quá trình tìm tòi đấu tranh:

- ◆ Đây là chặng đường Nguyễn Ái Quốc đi tìm một con đường cứu nước, chứ không phải cầu viện và cuối cùng người đã tìm thấy con đường đó (giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người).
- ◆ Nguyễn Ái Quốc bắt đầu từ khảo nghiệm thực tiễn trước rồi mới từng bước tiếp cận lý luận. (Khi sang Macxây Bác nhận định: Người Pháp ở nước Pháp tốt hơn người Pháp ở Đông Dương; Bác thừa nhận ở đâu cũng có 2 hạng người: người giàu và người nghèo... Sau quá trình chu du về Pháp Bác mới học lý luận ).
- ◆ Nguyễn Ái Quốc hoàn toàn tự lực, tự lao động để kiếm sống, là quá trình rèn luyện nghị lực của Bác sau này. (Một hòn gạch nóng nung tâm huyết; Mẩu bánh mỳ con nuôi chí bền; Bác nói: Bác làm 12 nghề nhưng chỉ làm một nghề thôi là nghề cách mạng).
- ◆ Nguyễn Ái Quốc là người đặt nền móng cho quan hệ kinh tế quốc tế và sớm trở thành chủ nghĩa quốc tế (lộ trình của Nguyễn Ái Quốc là chiến sĩ quốc tế trước khi là lãnh tụ dân tộc; là chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân và của dân tộc).

- Giai đoạn 1921-1930: Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng (đó là quá trình từng bước hình thành cương lĩnh)
- Từ 1921 đến mùa hè năm 1923: Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động trong Đảng cộng sản Pháp và nằm trong ban thuộc địa vì vậy ông sáng lập ra “Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa” và là thời gian hoàn tất các tư liệu để viết các tác phẩm nổi tiếng sau này.
- Từ 14-6-1923 đến 1927:
  - + Về tư tưởng: Truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về Việt Nam thông qua những bài đăng trên các báo người cùng khổ, nhân đạo... Đặc biệt là tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp, trong đó đã vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc che dấu tội ác dưới vỏ bọc “khai hoá văn minh”, từ đó đã khơi dậy lòng yêu nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân pháp xâm lược.
  - + Về xây dựng tổ chức cách mạng: tháng 11/1924 Bác về Quảng Châu và đến tháng 6/1925, người thành lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
    - ❖ Mục đích của hội: làm cách mạng dân tộc và cách mạng thế giới; sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập chính phủ nhân dân; mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân tiến lên xây dựng CNCS; thực hiện đoàn kết với giai cấp vô sản các nước, với phong trào cách mạng thế giới.
    - ❖ Đào tạo cán bộ: Từ 1925 – 1927 , Hội cách mạng thanh niên đã mở các lớp huấn luyện chính trị cho cán bộ cách mạng Việt Nam; xây dựng được nhiều cơ sở ở các trung tâm kinh tế.
    - ❖ Năm 1928, với chủ trương “Vô sản hoá”, đưa hội viên vào nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, để rèn luyện lập trường, quan điểm giai cấp công nhân; để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và lý luận giải phóng dân tộc nhằm thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng Việt Nam.
    - ❖ Ngoài ra Nguyễn Ái Quốc còn lựa chọn những thanh niên ưu tú gửi đi học tại đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường lục quân Hoàng Phố (Trung Quốc) để đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam.
  - + Về chính trị: Năm 1927 Bộ truyền truyền của hội các dân tộc thuộc địa bị áp bức xuất bản Tác phẩm Đường cách mệnh, nó thể hiện đường lối cách mạng, đề cập những vấn đề cơ bản của một cương lĩnh chính trị:
    - ❖ Thứ nhất, Xác định rõ tính chất và nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc mở đường tiến lên CNXH.
    - ❖ Thứ hai, Mục tiêu cách mạng là đem lại độc lập tự do, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân.
    - ❖ Thứ ba, Về lực lượng cách mạng, người nhân mạng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, chứ không phải của một hai người, do đó phải đoàn kết toàn dân.
    - ❖ Thứ tư, Lãnh đạo cách mạng: do Đảng lãnh đạo và để cách mạng thành công thì Đảng đó phải theo chủ nghĩa Mác-Lênin (Đảng có vững, cách mạng mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thì thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Mác-Lênin).
    - ❖ Thứ năm, về đoàn kết quốc tế, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: cách mạng Việt Nam là một bộ phận trong cách mạng thế giới, ai làm cách mạng trong thế giới đều là đồng chí của cách mạng Việt Nam.

- ❖ Thứ sáu, Về phương pháp cách mạng: Phải giác ngộ và tổ chức quần chúng cách mạng, phải làm cho quần chúng hiểu rõ mục đích của cách mạng, biết đồng tâm hiệp lực, làm cách mạng phải biết cách làm, phải có “Muru chước” thì mới đảm bảo thành công cho cuộc khởi nghĩa với sự nổi dậy của toàn dân...

## **2. Sự phát triển phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản**

- Giai đoạn 1919-1925: Phong trào công nhân diễn ra dưới các hình thức đình công, bãi công, tiêu biểu như các cuộc bãi công của công nhân Ba Son (1925-Sài Gòn) do Tôn Đức Thắng tổ chức, cuộc bãi công của công nhân nhà máy sợi Nam Định ngày 30-4-1925, đòi chủ tư bản phải tăng lương, bỏ đánh đập,... giai đoạn này hình thức bãi công trở thành phổ biến, diễn ra trên quy mô lớn và thời gian dài hơn.
- Giai đoạn 1926-1929, phong trào bãi công đã có sự lãnh đạo của các tổ chức như: Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Công hội đỏ và các tổ chức cộng sản ra đời từ năm 1929 (năm 1928-1929 có khoảng 40 cuộc bãi công diễn ra trên cả nước).
- + Phong trào đấu tranh giai đoạn này đã mang tính chất chính trị rõ rệt, đã có sự liên kết giữa các nhà máy, các ngành và các địa phương. Phong trào công nhân đã có sức lôi cuốn phong trào dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.
- + Cũng vào thời gian này phong trào yêu nước phát triển một cách mạnh mẽ, đặc biệt là phong trào ông dân diễn ra ở nhiều nơi trong cả nước, như: nông dân Hà Nam, Nam Định Ninh Bình, nghệ An, Hà Tĩnh... đấu tranh chống bọn địa chủ cướp đất, đòi chia ruộng công...

Phong trào công nhân và nông dân đã hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc đấu tranh chống thực dân phong kiến.

## **3. Sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam**

Tại đại hội lần thứ nhất của hội Việt Nam cách mạng thanh niên (5-1929) đã xảy ra sự bất đồng giữa các đại biểu về việc thành lập Đảng cộng sản, thực chất là sự khác nhau giữa các đại biểu muốn thành lập ngay một Đảng cộng sản và giải thể tổ chức hội Việt Nam cách mạng thanh niên, với những đại biểu cũng muốn thành lập Đảng cộng sản nhưng không muốn tổ chức đảng ở giữa đại hội thanh niên và không muốn giải tán Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Trong bối cảnh đó các tổ chức cộng sản ở Việt Nam ra đời.

- Đông Dương cộng sản Đảng: ngày 17-6-1929, tại Hà Nội, do đại biểu các tổ chức cộng sản ở miền bắc thành lập.
- An Nam cộng sản Đảng: vào mùa thu năm 1929, do các đại biểu trong hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc và Nam Kỳ thành lập.
- Đông Dương cộng sản liên Đoàn: Sự ra đời của hai tổ chức cộng sản trên làm cho nội bộ Đảng tân việt phân hoá, những đảng viên tiên tiến của Tân Việt đứng ra thành lập Đông dương cộng sản liên đoàn.

Cả ba tổ chức đều gương cao ngọn cờ chống đế quốc và phong kiến, nhưng hoạt động phân tán, chia rẽ ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng Việt Nam. Vì vậy cần phải khắc phục những khó khăn trên là nhiệm vụ cấp bách của tất cả những người cộng sản Việt Nam.

## ***III - Hội nghị thành lập Đảng, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và ý nghĩa sự ra đời của Đảng CSVN***



## **1. Hội nghị thành lập Đảng**

- Cuối năm 1929 những người cộng sản Việt Nam đã ý thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một Đảng cộng sản thống nhất.
  - Ngày 27-10-1929, Quốc tế cộng sản gửi những người ở Đảng cộng sản Đông Dương tài liệu về việc thành lập một Đảng cộng sản ở Đông Dương, để khắc phục sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và thành lập một Đảng của giai cấp vô sản.
  - Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm Đến Trung Quốc chủ trì hội nghị hợp nhất Đảng từ 6-1 đến 8-2. Nhưng Đại hội III (10-9-1960) chọn ngày 3-2 làm ngày thành lập Đảng.
  - Thành phần hội nghị: 01 đại biểu quốc tế cộng sản; 2 đại biểu Đông Dương cộng sản đảng; 2 đại biểu An Nam cộng sản đảng, Hội nghị thảo luận đề nghị của Nguyễn Ái Quốc gồm 5 điểm lớn:
    - + Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thất hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản ở Đông Dương.
    - + Định tên Đảng là Đảng cộng sản Việt Nam.
    - + Thảo chính cương và điều lệ sơ lược của Đảng.
    - + Định kế hoạch việc thực hiện thống nhất trong nước.
    - + Cử ban chấp hành trung ương lâm thời gồm 9 người, trong đó có hai đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương.
- Hội nghị thống nhất với năm điểm lớn của Nguyễn Ái Quốc và quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản, lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam.
- Ngày 24-2-1930, theo yêu cầu của Đông dương cộng sản liên đoàn, ban chấp hành trung ương lâm thời họp và ra nghị quyết chấp nhận Đông dương cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam.

## **2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng**

Các văn kiện được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng như: chính cương vắn tắt của Đảng, sách lược vắn tắt của Đảng, chương trình tóm tắt của Đảng, họp thành cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng cộng sản Việt Nam.

### **Những vấn đề cơ bản của cương lĩnh:**

- Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là: tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.
- Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng:
  - + Về chính trị: Đánh đổ đế quốc Pháp và phong kiến, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh, tổ chức quân đội công nông.
  - + Về kinh tế: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng...) của đế quốc pháp để giao cho chính phủ công nông binh quản lý, tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm 8 giờ.
  - + Về văn hoá xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền,.. phổ thông giáo dục theo công nông hoá.
- Về lực lượng cách mạng: công nhân và nông dân là lực lượng cơ bản, là gốc; đồng thời phải mở rộng rãi hơn các lực lượng khác đó là: tư sản vừa và nhỏ, trung tiểu địa chủ.
- Về lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Xác định mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới: cách mạng Việt Nam là một bộ phận cấu thành của cách mạng thế giới, phải tranh thủ cách mạng thế giới.

### **3. ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.**

- Sự ra đời của Đảng đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân Việt Nam đủ sức đảm đương sứ mạng lịch sử của mình lãnh đạo cách mạng Việt Nam
- Định hình ra được quy luật ra đời và phát triển của Đảng cộng sản ở nước ta: Kết hợp chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn tới sự ra đời của Đảng.
- Đảng có cương lĩnh chính trị là bước vận dụng sáng tạo học thuyết chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng thuộc địa vào thực tế Việt Nam. Vận dụng và phát triển sáng tạo lý luận vào thực tiễn.
- Về thực tiễn: chấm dứt thời kỳ khủng hoảng và bế tắc về đường lối của phong trào yêu nước, phong trào cách mạng Việt Nam, đã có một cương lĩnh hoàn chỉnh, mở ra con đường và phương hướng phát triển mới cho cách mạng Việt Nam.
- Tranh thủ được sự ủng hộ to lớn của cách mạng thế giới, đồng thời cũng góp phần tích cực vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiên bộ xã hội.

## ***CHƯƠNG II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)***

### ***I. Hoàn cảnh ra đời, nội dung, ý nghĩa “Luận cương chính trị tháng 10 – 1930”***

#### ***1. Hoàn cảnh ra đời***

- Năm 1930: Tháng 4-1930 Trần Phú sau thời gian học tập ở Liên Xô được quốc tế cộng sản cử về nước. Đến tháng 7-1930 đọc bổ sung vào BCH TW Đảng.

- Từ 14- 30/10/1930 hội nghị BCH TW họp lần thứ nhất tại Hương Cảng, do Trần Phú chủ trì.

Nội dung của hội nghị gồm: Thảo luận Luận cương chính trị, quyết định đổi tên Đảng từ Đảng cộng sản Việt Nam thành Đảng cộng sản Đông Dương, trong hội nghị các đại biểu cũng nhất trí bầu đồng chí Trần Phú làm tổng bí thư.

#### ***2. Nội dung luận cương***

- Phân tích đặc điểm, tình hình xã hội nước ta là xã hội thuộc địa nửa phong kiến và nêu lên những vấn đề cơ bản của Cách mạng tư sản dân quyền ở Đông Dương do giai cấp công nhân lãnh đạo.
- Chỉ rõ mâu thuẫn gay gắt của Cách mạng Việt Nam: mâu thuẫn giai cấp giữa một bên là thợ thuyền, dân cày, các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến, tư bản đế quốc.
- Vạch ra chiến lược Cách Mạng: Thực hiện Cách mạng tư sản dân quyền, giải phóng dân tộc. Sau đó tiến thẳng lên Chủ nghĩa Xã Hội, không trải qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa.

- Khẳng định nhiệm vụ của CM tư sản dân quyền là: Đánh đổ phong kiến, thực hành CM ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ này có quan hệ khăng khít với nhau, nhưng Luận cương xác định “Vấn đề thổ địa là cái cốt của CM tư sản dân quyền”.
- Lực lượng CM: giai cấp vô sản vừa là động lực chính của CM tư sản dân quyền, vừa là giai cấp lãnh đạo CM, dân cày là lực lượng đông đảo nhất và là động lực mạnh của CM. Ngoài ra còn có các phần tử lao khổ ở đô thị như trí thức thất nghiệp, người bán hàng rong..)
- Phương pháp thực hiện cách mạng: phương pháp vũ trang bạo động, đó cũng là một nghệ thuật (nghệ thuật quân sự).
- Vai trò lãnh đạo của Đảng: Luận cương khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện cốt yếu cho thắng lợi của CM. Đảng là đội quân tiên phong của giai cấp vô sản, đại biểu chung cho quyền lợi của giai cấp vô sản ở Đông Dương, đấu tranh để đạt mục đích cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương. Để đảm nhận vai trò đó, Đảng phải có đường lối chính trị đúng đắn, lấy chủ nghĩa Mac - Lênin làm nền tảng tư tưởng, phải có kỷ luật tập trung, phải liên hệ mật thiết với nhân dân.
- Quan hệ giữa Cm Việt Nam với CM thế giới: CM Việt Nam là một bộ phận của Cm thế giới.

### **3. Ý nghĩa của luận cương:**

- Khẳng định lại nhiều vấn đề căn bản thuộc chiến lược cách mạng mà chính cương vắn tắt và sách lược vắn tắt đã nêu ra.
- So sánh Luận cương chính trị Tháng 10-1930 với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng
  - Điểm giống nhau:
    - + Chiến lược phát triển CM: Độc lập dân tộc gắn liền CNXH
    - + Nội dung CM về tư sản dân quyền: Đánh đổ đế quốc & phong kiến
    - + Thống nhất vai trò của các lực lượng cơ bản của CM: vai trò lãnh đạo của công nhân và vai trò động lực mạnh của CM của nông dân.
    - + Thống nhất phương pháp CM : vũ trang bạo động
    - + Thống nhất mối quan hệ giữa CM Việt Nam & CM thế giới : CM Việt Nam là một bộ phận của CM thế giới.
    - + Thống nhất về vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình CM.
  - Điểm khác nhau:
    - + Luận cương tháng 10 -1930 không đưa nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu, không nêu ra mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam và đế quốc Pháp.
    - + Đánh giá không đúng vai trò CM của tầng lớp tiểu tư sản, phủ nhận mặt tích cực của tư sản dân tộc, chưa thấy được khả năng phân hóa, lôi kéo một bộ phận địa chủ vừa và nhỏ tham gia CM, do đó Luận cương không đề ra được một liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai.
  - Nguyên nhân chủ yếu khác nhau:
    - + Luận cương chưa phân tích những mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa nửa phong kiến của Việt Nam.

- + Do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề giai cấp, dân tộc trong CM thuộc địa.
- + Chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khuynh hướng “Tả” của Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản trong thời gian đó.  
Luận cương tháng 10-1930 đã không chấp nhận những điểm mới, sáng tạo trong Chính cương của Nguyễn Ái Quốc.

## **II. Chủ trương & nhận thức mới của Đảng về vấn đề dân tộc & dân chủ giai đoạn 1936 - 1939**

### **1. Khái quát hoàn cảnh lịch sử**

- Tình hình thế giới:
  - Cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 1929-1933 ở các nước thuộc hệ thống tư bản chủ nghĩa đã khiến cho mâu thuẫn nội tại của CNTB ngày càng gay gắt, đồng thời làm cho phong trào cách mạng của quần chúng dâng trào.
  - Chủ nghĩa Phát xít đã xuất hiện và thắng thế ở một số nơi: phát xít Hitle ở Đức, phát xít Phrangco ở Tây Ban Nha, phát xít Mutxolini ở Italia và phái Sĩ quan trẻ ở Nhật. Chế độ độc tài phát xít là nền chuyên chính của những thế lực phản động nhất, tàn bạo nhất, dã man nhất. Chúng tiến hành chiến tranh xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.
  - Ở Pháp, mặt trận bình dân lên nắm chính quyền do Đảng Xã Hội và Đảng Cộng sản thành lập đã có những chính sách thân thiện hơn với giai cấp công nhân và nông dân.
  - Đại hội VII Quốc tế Cộng sản họp tại Matxcova vào tháng 7- 1935 do Dimitorop chủ trì đã diễn ra. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu đã tham dự đại hội. Nội dung đại hội :
    - Xác định lại kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp vô sản và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa Phát xít.
    - Xác định nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, mà là đấu tranh chống chủ nghĩa Phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình.
    - Để thực hiện được nhiệm vụ cấp bách này, các đảng cộng sản và nhân dân các nước trên thế giới cần thiết phải thành lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống.
- Tình hình trong nước:
  - Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động sâu sắc tới mọi giai cấp, tầng lớp trong xã hội.
  - Bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vệt, bóc lột, bóp nghẹt mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

### **2. Chủ trương nhận thức mới của Đảng**

- Được thể hiện qua 4 nghị quyết của 4 hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương: Hội nghị lần 2 (tháng 7-1936), Hội nghị lần 3 (3-1937), HN lần 4(9-1937), HN lần 5(3-1938)
- Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh: BCH TW xác định cách mạng ở Đông Dương vẫn là “cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa”,

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam  
nhưng yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta lúc này là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống.

- Về kẻ thù cách mạng: chủ trương đánh đổ bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.
- Xác định nhiệm vụ trước mắt của CM : chống Phát xít, chống chiến tranh đế quốc, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
- Xác định lực lượng CM: thành lập mặt trận nhân dân phản đế gồm mọi giai cấp, tầng lớp, đảng phái, tôn giáo với nòng cốt là liên minh công nông
- Đoàn kết quốc tế: Ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp, ủng hộ Chính phủ mặt trận nhân dân Pháp để cùng nhau chống lại kẻ thù chung là bọn Phát xít ở Pháp và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.
- Hình thức và phương pháp đấu tranh: Kết hợp nhiều hình thức. Vừa đấu tranh công khai vừa nửa công khai, vừa hợp pháp vừa nửa hợp pháp.
- Xây dựng tổ chức: Phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai và nửa công khai Nhằm mở rộng quan hệ của Đảng với quần chúng, giáo dục, tổ chức, lãnh đạo quần chúng bằng các hình thức và khẩu hiệu thích.
- Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ: Được thể hiện trong văn kiện Chung quanh vấn đề chính sách mới công bố tháng 10 năm 1936. Trong chính sách mới cho rằng : “ Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải gắn kết chặt với cuộc cách mạng liên địa. Nghĩa là không thể nói rằng muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng.”. Tức là với 2 nhiệm vụ này không nhất thiết phải song song tồn tại, mà phải tùy hoàn cảnh mà đặt nhiệm vụ nào lên hàng đầu hoặc giải quyết các nhiệm vụ một cách liên tiếp, đồng thời xác định kẻ thù nào là nguy hiểm nhất để tập trung lực lượng của dân tộc mà đánh cho toàn thắng.

Tóm lại: chủ trương mới của Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và dân chủ, xác định mục tiêu trước mắt của CM, từ đó đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành chính quyền, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh sau này.

### ***III. Hoàn cảnh lịch sử, nội dung, ý nghĩa sự chuyển hướng chiến lược cách mạng của Đảng giai đoạn 1939-1945***

#### ***1. Hoàn cảnh lịch sử***

• Thế giới : Chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ với 2 giai đoạn.

- Từ 1/9/1939 - 22/6/1941  
Tính chất chiến tranh: CT giữa các tập đoàn đế quốc với nhau, tháng 6-1940: Đức tấn công Pháp và Pháp đầu hàng, Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ, Đảng Cộng sản Pháp bị đặt ra ngoài vòng pháp luật.
- Từ 22/6/1941 - 2/9/1945:  
22/6/1941: Đức tấn công Liên Xô. Từ đây, tính chất của cuộc chiến tranh thay đổi. Một bên là lực lượng Phát xít & một bên là lực lượng đồng minh chống phát xít.

• Trong nước :

- Thực dân Pháp thủ tiêu toàn bộ thành quả của phong trào dân sinh 1936-1939:

- + Đặt Đảng Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. thẳng tay đàn áp pt đấu tranh của nd, thủ tiêu dân chủ
- + Giải tán các hội hữu ái, nghiệp đoàn và tịch thu tài sản của các hội này.
- + vơ vét sc người sc của phục vụ chiến tranh
- 22/9/1940: Phát xít Nhật đã tiến vào Lạng Sơn & đổ bộ vào Hải Phòng.
- 23/9/1940: tại Hà Nội, Pháp kí hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó, nhân dân ta chịu cảnh một cổ bị hai tròng áp bức bóc lột của Pháp – Nhật. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc, phát xít Pháp – Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

## **2. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược**

- Nội dung được thể hiện trong 3 nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành TƯ Đảng: Hội nghị lần 6 (11-1939), HN lần 7( 11-1940), HN lần 8 (5-1941). Nội dung chủ trương như sau:
  - Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu bởi : Mâu thuẫn chủ yếu của dân tộc ta lúc này là mâu thuẫn giữa dân tộc với phát xít Pháp - Nhật. Ban chấp hành trung ương quyết định tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian cho dân cày nghèo”.
  - Xây dựng lực lượng cách mạng: thành lập mặt trận Việt Minh thay cho Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương, nhằm đoàn kết, tập hợp mọi lực lượng tham gia giải phóng dân tộc. Trực thuộc Mặt trận Việt Minh có Hội công nhân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc...  
Mặt trận Việt Minh được hình thành với một số đặc điểm: Chỉ hoạt động trong phạm vi dân tộc Việt Nam, có cương lĩnh hành động rõ ràng, có cờ đỏ sao vàng, tổ chức hoạt động một cách chặt chẽ.
  - xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của đảng và nhân dân ta trong giai đoạn hiện tại , pt llem bao gồm chính trị quân sự thành lập các khu căn cứ , chú trọng công tác xd đảng, đào tạo cán bộ và đẩy mạnh công tác vận động quần chúng  
Phương châm hình thái khởi nghĩa ở nước ta: Nắm vững và dự báo được thời cơ cách mạng. chuẩn bị sẵn sàng ll nhằm lợi dụng cơ hội thuận tiện hơn cả đánh lại quân thù
- 2 dự báo của Bác tại Hội nghị trung ương 8 (5-1941):
  - + Đức chắc chắn sẽ tấn công Liên Xô, nhưng Liên Xô nhất định thắng lợi, mang lại cơ hội giải phóng dân tộc cho các nước trên thế giới.
  - + Cách mạng Việt Nam sẽ thắng lợi vào tháng 8 năm 1945.

## **3. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược**

- Đường lối giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- Tập hợp rộng rãi mọi người Việt Nam yêu nước vào mặt trận Việt Minh.
- Xây dựng lực lượng quân đội thông qua việc thành lập Việt Nam giải phóng quân.
- Đường lối là ngọn cờ dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân.

#### ***IV. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử của Cách mạng tháng 8 1945***

Mùa thu năm 1945, cuộc tổng khởi nghĩa của nhân dân Việt Nam đã diễn ra thắng lợi đánh dấu một mốc lịch sử trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc: Cách mạng tháng 8, năm 1945.

##### ***1. Nguyên nhân thắng lợi***

- Cách mạng tháng 8 nổ ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi: Kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là phát xít Nhật đã bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ trên thế giới đánh bại, quân Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã. Đảng ta đã chớp thời cơ, phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng.
- Cách mạng tháng 8 là kết quả tổng hợp của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã được rèn luyện qua 3 cao trào cách mạng rộng lớn: Cao trào cách mạng 1930-1931, cao trào 1936-1939 và cao trào giải phóng dân tộc 1939-1945. Quân chúng cách mạng được Đảng tổ chức, lãnh đạo và rèn luyện bằng thực tiễn đấu tranh đã trở thành lực lượng hùng hậu, có lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.
- Cách mạng tháng 8 thành công là do Đảng ta đã chuẩn bị được lực lượng vĩ đại của toàn dân đoàn kết trong mặt trận Việt Minh, dựa trên cơ sở liên minh công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng.
- Đảng lãnh đạo cách mạng với đường lối cách mạng đúng đắn, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, đoàn kết thống nhất, nắm đúng thời cơ, chỉ đạo kiên quyết, khôn khéo, biết tạo nên sức mạnh tổng hợp để áp đảo kẻ thù, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố chủ yếu nhất, quyết định thắng lợi của Cách mạng tháng tám.

##### ***2. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng 8***

- Cách mạng tháng 8 thắng lợi đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á. Nhân dân Việt Nam thoát khỏi thân phận nô lệ trở thành người dân của một nước độc lập tự do, làm chủ vận mệnh của chính mình.
- Thắng lợi của CM tháng 8 đã đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.
- Thắng lợi của CM tháng 8 đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, cung cấp thêm nhiều kinh nghiệm quý báu cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và giành quyền dân chủ.
- Sức mạnh tinh thần từ thắng lợi này đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập, tự do.

##### ***3. Bài học kinh nghiệm***

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ: chống đế quốc và chống địa chủ phong kiến. Hai nhiệm vụ này không thể tách rời nhau, tuy nhiên nhiệm vụ chống đế quốc là chủ yếu nhất.
- Cần phát huy sức mạnh toàn dân trên nền tảng liên minh công nông. Bởi cuộc nổi dậy của toàn dân chỉ có thể thực hiện được khi có đạo quân chủ lực là giai

cấp công nhân và giai cấp nông dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Dựa trên nền tảng liên minh công nông, Đảng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, động viên toàn dân tổng khởi nghĩa thắng lợi.

- Tận dụng thời cơ, mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù. Đó là mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát xít, giữa chủ nghĩa đế quốc và một bộ phận địa chủ phong kiến, mâu thuẫn trong hàng ngũ nguy quyền tay sai của Pháp và Nhật.
- Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra bộ máy nhà nước của nhân dân.
- Lãnh đạo khởi nghĩa phải nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật quân sự hay chiến lược nhà binh, chọn đúng thời cơ, chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt cho khởi nghĩa thắng lợi.
- Phải xây dựng một Đảng theo chủ nghĩa Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đảng phải vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lenin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, coi trọng việc quán triệt đường lối, chủ trương trong đảng viên và quần chúng cách mạng, đồng thời phải đấu tranh khắc phục những khuynh hướng lệch lạc. Đảng biết phát huy triệt để vai trò của Mặt trận Việt Minh với hàng triệu hội viên và thông qua mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân đấu tranh.

### **CHƯƠNG III: ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP – MỸ (1945-1975)**

#### ***1 - Đường lối xây dựng, bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp***

##### ***1. Chủ trương xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)***

###### **a. Hoàn cảnh nước ta sau CMT8**

Những thuận lợi cơ bản

- Hình thành phe XHCN do Liên xô đứng đầu
- Phong trào giải phóng dân tộc ngày càng phát triển
- Phong trào dân chủ và hòa bình ở các nước TB phát triển cũng phát triển tạo thành dòng thác cách mạng
- Trong nước, chính quyền nhân dân được thành lập
- Lực lượng vũ trang nhân dân được tăng cường
- Toàn thể nhân dân ủng hộ chính quyền

Khó khăn nghiêm trọng

- Hậu quả do chế độ cũ để lại: giặc đói, giặc dốt
- Ngân quỹ quốc gia trống rỗng
- Kinh nghiệm quản lý đất nước của cán bộ còn yếu
- Nền độc lập của dân tộc chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao
- Quân đội các nước đồng minh ồ ạt kéo vào nước ta. Theo sau chính là bọn phản động cách mạng và thực dân Pháp
- Được sự hậu thuẫn của Anh, Pháp đã đánh chiếm SG nhằm tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam

###### **b. Chủ trương kháng chiến kiến quốc của Đảng**

- 25/11/1945, BCHTW Đảng ra chỉ thị về “Kháng chiến kiến quốc”. Chủ trương :
- Về chỉ đạo chiến lược: nêu cao mục tiêu “dân tộc giải phóng”, bảo vệ độc lập dân tộc, với khẩu hiệu “dân tộc là trên hết , tổ quốc trên hết “



## Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- Về xác định kẻ thù: Kẻ thù chính của dân tộc là thực dân Pháp. Do vậy chủ trương mở rộng mặt trận Việt minh để thu hút mọi tầng lớp nhân dân chống Pháp
- Về phương hướng, nhiệm vụ
- + 4 nhiệm vụ chủ yếu: củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, diệt giặc đói, giặc dốt, cải thiện đời sống nhân dân
- + Phương hướng: kiên trì theo nguyên tắc “thêm bạn bớt thù” nên đưa ra khẩu hiệu “Hoa Việt thân thiện” đối với quân đội của tướng giới thạch. Nhân nhượng Pháp về mặt kinh tế nhưng độc lập về mặt chính trị
- c. Kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm:
  - Kết quả:
    - Về chính trị xã hội: xây dựng được nền móng cho xã hội mới, chế độ dân chủ nhân dân với đầy đủ các yếu tố cấu thành cần thiết. quốc hội , HĐND đc thành lập thông qua phổ thông bầu cử. hiến pháp đc QH thông qua và ban hành. Bộ máy chính quyền với các cơ quan tư pháp tòa án , các công cụ chuyên chính như vệ quốc đoàn công an nhân dân đc thiết lập và tăng cường. các đoàn thể nhân dân như mặt trận việt minh , hội liên hiệp quốc dân VN,.. đc xây dựng và mở rộng. đg dân chủ VN đg xã hội VN đc thành lập
    - Về kinh tế, văn hóa: phát động phong trào tăng gia sx, cứu đói, xóa bỏ các thứ thuế vô lí của chế độ cũ ra sắc lệnh giảm tô , xd ngân quỹ quốc gia. Các lĩnh vực sx đc hồi phục. cuối năm 45 nạn đói cơ bản đc đẩy lùi, năm 46 đời sống nhân dân ổn định và cải thiện. phát hành tiền VN. Mở lại trường lớp, phong trào bình dân học vụ đdc thực hiện sôi nổi
    - Về bảo vệ chính quyền cách mạng:
      - + khi pháp nổ súng đánh chiếm nam bộ đg đã tổ chức nhân dân đứng lên kháng chiến, ngăn ko cho Pháp tiến ra trung bộ
      - + bằng biện pháp hòa hoàn với tướng rồi sau đó dàn xếp với pháp để đuổi quân đội TGT về nước. hiệp định sơ bộ 6/3/1946 cuộc đàm phán ở đà lạt và phong ten nơ blô , tạm ước 14/9/46 đã tạo điều kiện cho ta có thêm thời gian để chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới
  - Ý nghĩa:
    - Bảo vệ được nền độc lập dân tộc, giữ vững chính quyền cách mạng
    - xây dựng được nền móng đầu tiên cho một chế độ xã hội mới chế độ VN dân chủ cộng hòa
    - Chuẩn bị những điều kiện trực tiếp, cần thiết cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.
  - Nguyên nhân thắng lợi:
    - Đánh giá đúng tình hình để đưa ra đường lối đúng đắn
    - Xây dựng và phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân
    - Biết lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù.
      - Bài học kinh nghiệm
        - Phát huy sc mạnh đại đoàn kết dân tộc dựa vào dân để xd và bv chính quyền cm
        - Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính coi sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ thù cũng là một b pháp đấu tranh cm cần thiết trong hoàn cảnh cụ thể

- Tận dụng khả năng hòa hoãn để xây dựng củng cố chính quyền đồng thời đề cao cảnh giác sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan rộng khi kẻ địch bội ước

## **2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chế độ dân chủ nhân dân (1946-1954)**

### **❖ Giai đoạn 1946-1950**

- Hoàn cảnh lịch sử
  - 11/1946: Pháp tấn công HP, LS, đổ bộ lên Đà Nẵng, khiêu khích ở Hà Nội TU Đảng tìm cách liên lạc để giải quyết vđ bằng thương lượng
  - Trước việc Pháp gửi tối hậu thư đòi tước vũ khí của tự vệ HN. 19/12/1946, Ban thường vụ TU Đảng họp quyết định phát động kháng chiến trên phạm vi cả nước. 20h tối 19/12/1946, tất cả các chiến trường nổ súng. Rạng sáng 20/12/1946, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của HCM đc pháp đi trên đài tiếng nói VN
- Thuận lợi:
  - Cuộc chiến tranh của nhân dân ta là cuộc kháng chiến mang tính chất chính nghĩa nên có “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”
  - Ta đã có sự chuẩn bị cần thiết về mọi mặt nên về lâu dài có thể thắng quân xâm lược.
  - Thực dân Pháp có nhiều khó khăn về chính trị và kinh tế ở trong nước và tại Đông Dương ko dễ khắc phục đc ngay
- Khó khăn:
  - Tương quan lực lượng chênh lệch, ta yếu hơn địch, đồng thời P đã chiếm được Lào, Campuchia, 1 số vùng Nam Bộ ở Việt Nam, có lực lượng quân đội ở phía Bắc
  - Ta bị bao vây 4 phía, chưa có nước nào giúp đỡ
  - Pháp có vũ khí tối tân

Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến

- \* Đường lối kháng chiến của Đảng được thông qua
  - Nghị quyết 19/10/1946 của BCHTW Đảng do đ/c Trường Chinh chủ trì và đã đưa ra những biện pháp cụ thể về tư tưởng và tổ chức để nhân dân ta sẵn sàng chiến đấu
  - Nghị quyết 5/11/1946 của HCM đã nêu lên những vấn đề mang tính chiến lược, toàn cục của CMVN.
- \* Nội dung của đường lối được thể hiện qua 3 văn kiện
  - Toàn dân kháng chiến của TU Đảng (12/12/1946)
  - Lời kêu gọi toàn quốc k/c của HCM (19/12/1946)
  - K/c nhất định thắng lợi của Trường Chinh
- Mục đích: đánh bại phản động P, giành thống nhất và độc lập cho dân tộc
- T/c của cuộc k/c: dân tộc giải phóng và dân chủ mới
- Chính sách k/c: liên hiệp với nhân dân P để đánh đổ thực dân P, đoàn kết với Miến, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do hòa bình. Thực hiện toàn dân k/c
- Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến
  - Chương trình k/c: thực hiện đại đoàn kết toàn dân, quân, chính, dân nhất trí
  - Nhiệm vụ k/c: giành độc lập và thống nhất cho dân tộc

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- Phương châm tiến hành k/c: tiến hành chiến tranh nhân dân, thực hiện cuộc k/c toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính
- K/c toàn dân: thực hiện nhiệm vụ mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi xóm làng là 1 pháo đài
- K/c toàn diện: chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn hóa, quân sự
- + Chính trị: thực hiện đại đoàn kết toàn dân, tích cực xây dựng và làm trong sạch bộ máy Đảng
- + Kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, tích cực phát triển SX công nông nghiệp để pt 1 nền kt tự cung tự cấp
- + Quân sự: xây dựng LLVTND và thực hiện chiến tranh từ chiến đấu du kích lên chính quy
- + Văn hóa: xóa bỏ văn hóa thực dân, xây dựng nền văn hóa dân tộc, khoa học và đại chúng
- + Ngoại giao: thực hiện chính sách “thêm bạn bớt thù”, sẵn sàng đàm phán với pháp nếu pháp công nhận VN độc lập
- K/c lâu dài: nhằm mục tiêu chờ cơ hội để thay đổi tương quan lực lượng, từ chỗ ta yếu thành mạnh hơn địch
- Dựa vào sức mình là chính: vì ta bị bao vây 4 phía, chưa có sự giúp đỡ từ nước ngoài
- Triển vọng của k/c: mặc dù lâu dài, khó khăn gian khổ song nhất định thắng lợi
- \* Kết quả
  - ❖ Từ 1947-1950, Đảng đã tập trung chỉ đạo cuộc chiến đấu giam chân địch trong các đô thị, củng cố các vùng tự do lớn, đánh bại cuộc hành quân lớn của địch lên Việt Bắc.
  - ❖ Lãnh đạo xây dựng hậu phương, tìm cách chống phá thủ đoạn “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp.
  - ❖ Thắng lợi chiến dịch biên giới năm 1950 đã giáng một đòn nặng nề vào ý chí xâm lược, ta giành được quyền chủ động trên chiến trường.
- ❖ Giai đoạn 1951-1954:
  - Hoàn cảnh lịch sử:
    - đầu 1951, ta đã đặt quan hệ ngoại giao với các nước XHCN là TQ và Liên xô.
    - Mĩ đã can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh ở Đông Dương
    - 2 - 1951, ĐCS Đông Dương đại hội lần 2, tách làm 3 Đảng. Ở VN, Đảng ta hđ công khai lấy tên là Đảng Lao động VN
  - ND đường lối: thể hiện trong chính cương của ĐLĐVN
    - T/c XH: dân chủ nhân dân, 1 phần thuộc địa và nửa phong kiến, trong đó mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa.
    - Đối tượng của CM: thực dân Pháp và bọn can thiệp Mĩ, đối tượng phụ là bọn pk phản động, việt gian
    - Nhiệm vụ của CMVN: 3 nhiệm vụ (nhiệm vụ trước mắt là GPDT, thứ 2 là xóa bỏ tàn dư chế độ PK, thứ 3 là xây dựng tiềm lực cơ sở vật chất để tiến lên CNXH
    - Động lực CM (lực lượng CM): công nhân, nông dân, tiểu TS, trí thức, tư sản dân tộc, địa chủ yêu nước. trong đó nền tảng là g/c công nhân và nông dân.
    - Đặc điểm của CM: cuộc CM dân chủ nhân dân

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- Triển vọng CM: CM dân tộc dân chủ nhân dân VN nhất định thắng lợi, sẽ đưa VN tiến lên XHCN.
- Con đường tiến lên CNXH: 3gđ
- + Giai đoạn 1, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc
- + Giai đoạn 2, xoá bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, phát triển hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân
- + Giai đoạn 3: Xây dựng cơ sở cho CNXH, tiến lên thực hiện CNXH.
  
- G/c lãnh đạo và mục tiêu của Đảng
- + Lãnh đạo: g/c công nhân
- + Mục tiêu: pt chế độ dân chủ nhân dân để tiến lên CNXH
  - Chính sách của Đảng: 15 c/s lớn nhằm pt chế độ dân chủ nhân dân , gây mầm mống cho CNXH và đẩy mạnh kc đến thắng lợi
  - Quan hệ quốc tế: VN đứng về phe hòa bình và dân chủ , thực hiện đoàn kết VIỆT TRUNG XÔ , VIỆT MIÊN LÀO
- Đường lối chính sc của đh đã đc bổ sung , pt qua các hội nghị TƯ tiếp theo
  - Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm
  - Kết quả
- Về chính trị: Đảng kiện toàn tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo với kháng chiến, mặt trận liên hiệp quốc dân VN thành lập, khởi đại đoàn kết toàn dân phát triển, chính sách ruộng đất được triển khai
- Về quân sự: Lực lượng chủ lực phát triển; tiêu diệt được nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai và dân cư, mở rộng vùng giải phóng, chiến thắng Điện Biên Phủ đi vào lịch sử thế giới báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức trên TG và sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân
- Về ngoại giao: Các văn bản của hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Đông Dương được kí kết; cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi
  - Ý nghĩa
- Đối với nước ta: Thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, làm thất bại âm mưu mở rộng và kéo dài chiến tranh của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo điều kiện cho miền Bắc tiến lên CNXH, làm hậu phương cho miền Nam; tăng cường tự hào dân tộc
- Đối với quốc tế: Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên Tg, tăng thêm lực lượng cho CNXH và c/m tg, đập tan ách thống trị của chủ nghĩa thực dân ở 3 nước Đông Dương, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên Tg
  - Nguyên nhân thắng lợi
- Có sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn đã huy động đc sc mạnh toàn dân đc xd trên nền tảng liên minh công nông và trí thức vững chắc
- Có lực lượng vũ trang gồm 3 thứ quân do Đảng trực tiếp lãnh đạo ngày càng vững mạnh
- Có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân, và vì dân
- Có sự liên minh đoàn kết, chiến đấu keo sơn giữa 3 dân tộc VN, Lào, Campuchia

- Bài học kinh nghiệm
- Đề ra đường lối chiến tranh nhân dân, kháng chiến toàn dân toàn diện, dựa vào sức mình là chính, quán triệt đường lối đó cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện
- Kết hợp đúng đắn, chặt chẽ nhiệm vụ chống đế quốc với nhiệm vụ chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân. Trong đó nhiệm vụ hàng đầu là chống đế quốc, giải phóng dân tộc, bảo vệ chính quyền c/m
- Thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới
- Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ, lâu dài; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh vũ trang.
- Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng.

## ***II - Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước – thống nhất Tổ quốc (1954-1975)***

### ***1. Đường lối GD 1954-1964***

- a. Bối cảnh LS của CMVN sau t7/1954
  - Thuận lợi:
  - + Tình hình TG: TG chia làm 2 phe, hệ thống XHCN ngày càng lớn mạnh, đặc biệt là tiềm lực của Liên xô
  - + Phong trào GPDT tiếp tục phát triển
  - + Phong trào hòa bình dân chủ ở các nước TB ngày càng lên cao
  - + Trong nước, miền Bắc đã hoàn toàn giải phóng và trở thành hậu phương vững chắc cho CM miền Nam.

Thế và lực CM đã lớn mạnh sau 9 năm trường kì k/c chống TD Pháp  
Toàn thể dân tộc có ý thức độc lập và thống nhất tổ quốc.

- Khó khăn
  - + Mỹ có tiềm lực về kinh tế, quân sự hùng mạnh
  - + TG bắt đầu bước vào thời kì chiến tranh lạnh và chạy đua vũ trang
  - + Sự xuất hiện bất đồng trong hệ thống XHCN, nhất là TQ và Liên xô
  - + Đất nước ta chia làm 2 miền: miền Bắc lạc hậu, miền Nam là thuộc địa kiểu mới của Mỹ.
  - + Đặc điểm bao trùm của CMVN là 1 Đảng lãnh đạo, thực hiện 2 nhiệm vụ cách mạng khác nhau ở 2 miền
- b. Quá trình hình thành và nội dung, ý nghĩa của đường lối
    - Quá trình hình thành:
      - Tháng 9-1954:
      - Hội nghị TW lần 7 (t3/1955) và lần 8 (8/1955)
      - Hội nghị TW lần thứ 13 (12/1957): đường lối tiến hành đồng thời 2 chiến lược cách mạng.
      - Tháng 1/1959, Hội nghị TW lần thứ 15 đã đưa nghị quyết về cách mạng miền Nam:
      - + Nhiệm vụ chủ yếu: giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến
      - + Biện pháp: giành chính quyền bằng cách sử dụng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang.
    - Nội dung của đường lối: được hoàn thiện tại ĐH 3 (5-10/9/1960)

## Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- Nhiệm vụ chung: đoàn kết toàn dân để thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ cách mạng ở 2 miền để thống nhất đất nước, tăng cường sức mạnh của phe XHCN, bảo vệ hòa bình ở khu vực Đông Nam Á và trên TG.
- Nhiệm vụ chiến lược: (2)
- + Miền Bắc: tiến hành CM XHCN
- + Miền Nam: giải phóng khỏi thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai để thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ dân tộc dân chủ trên cả nước
- Mục tiêu chung của chiến lược: 2 nhiệm vụ CM ở 2 miền đều nhằm giải quyết mâu thuẫn chung của dân tộc ta với đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện mục tiêu chung trước mắt là hòa bình thống nhất tổ quốc
- Mối quan hệ của CM 2 miền: QH mật thiết với nhau trong đó MB là hậu phương lớn, do vậy nó giữ vai trò quyết định nhất đến sự pt của CM miền Nam. Miền Nam giữ vai trò trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng đất nước, thống nhất nước nhà.
- Con đường thống nhất đất nước: trước tiên vẫn kiên trì theo con đường hòa bình. Tuy nhiên phải đề cao cảnh giác nếu địch gây chiến tranh xâm lược MB.
- Triển vọng của CMVN: là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, khó khăn nhưng nhất định thắng lợi
- Ý nghĩa của đường lối:
  - Đg lối đó thể hiện tư tưởng chiến lược của đảng giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nên đã tạo ra được sức mạnh tổng hợp, tranh thủ đc sự giúp đỡ của cả LX VÀ TQ, kết hợp nội lực và ngoại lực
  - thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong hoạch định đường lối
  - đường lối chung của cả nước và đường lối CM của mỗi miền là cơ sở của Đảng ta chỉ đạo quân và dân ta thực hiện tốt các nhiệm vụ CM

### **1. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975**

#### Bối cảnh lịch sử

- Thuận lợi:
  - phe XHCN ngày càng lớn mạnh tạo đk thuận lợi cho CMVN
  - VN đã thực hiện xong kế hoạch 5 năm lần 1 (60-65), do vậy đã đủ sức người sức của chi viện cho chiến trường miền Nam.
  - Miền Nam VN cuối 1965, ta đã đập tan chiến lược Chiến tranh đặc biệt, nguy quân nguy quyền, áp chiến lược và đô thị để thống trị miền Nam VN
- Khó khăn
  - bất đồng giữa Liên xô và TQ ngày càng lớn, gây khó khăn cho CMVN
  - Mỹ ào ạt đưa quân vào MN và thực hiện “chiến tranh cục bộ”. Hạn chế về khu vực, quy mô, mục tiêu làm cho tương quan lực lượng bất lợi cho ta
- b. Quá trình hình thành, nội dung, ý nghĩa của đường lối
  - Quá trình hình thành:
    - Từ 1960-1962: chủ trương đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần, thành chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn diện
    - Thực hành đấu tranh chính trị, đồng thời phát triển đấu tranh vũ trang, đẩy mạnh đánh địch bằng 3 mũi giáp công

- Vận dụng phương châm đấu tranh phù hợp với đặc điểm từng vùng: miền núi, thành thị, nông thôn
- Hội nghị TƯ lần 9 (11/1963): kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại để đánh Mỹ. Xác định đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang đều có vai trò cơ bản. Còn ở miền Bắc là căn cứ địa.
- ND đường lối: tiếp tục kế thừa và phát triển đường lối của ĐH 3 và hội nghị TƯ lần 11 (3-1965) và hội nghị TƯ 12 (12-1965).
- Nhận định tình hình và chủ trương chiến lược
- + nhận định tình hình: “chiến tranh cục bộ” là chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới buộc phải thực thi trong thế bị động
- + chủ trương: phát động cuộc k/c chống Mĩ cứu nước trên phạm vi toàn quốc
- quyết tâm và mục tiêu chiến lược: nêu cao khẩu hiệu “ quyết tâm đánh thắng giặc mĩ xâm lược “, bảo vệ miền bắc, giải phóng miền nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước
- phương châm chỉ đạo chiến lược:
- + thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân để chống chiến tranh cục bộ của Mĩ ở MN và bảo vệ MB
- + thực hiện k/c lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh, tranh thủ thời cơ để giành thắng lợi quyết định trên chiến trường MN.
- tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở MN
- + liên tục tấn công, kiên quyết tấn công, chủ động tìm địch
- + kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang
- + đấu tranh quân sự có tác dụng trực tiếp và giữ vị trí ngày càng quan trọng.
- Miền Bắc: chuyển hướng xây dựng kinh tế, kết hợp SX gắn phát triển kinh tế với quốc phòng, chi viện sức người và sức của cho MN, chuẩn bị sẵn sàng để đánh địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước
- Nhiệm vụ và mối quan hệ của 2 cuộc chiến đấu ở 2 miền: Miền Nam là tiền tuyến lớn, miền bắc là hậu phương lớn, trong đó 2 nhiệm vụ quan hệ mật thiết với nhau.
- Ý nghĩa của đường lối: đường lối đề ra lần thứ 11 và 12 có ý nghĩa to lớn
- Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ để thống nhất tổ quốc, tinh thần độc lập tự chủ tinh thần tiến công quyết liệt của MN thống nhất tổ quốc
- Thể hiện tư tưởng nắm vững giương cao 2 ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.
- Đưa ra đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh Mỹ xâm lược.

## **2. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi, bài học kinh nghiệm**

- a. Kết quả
  - Ở miền Bắc:
    - Tiếp tục phát triển sản xuất, văn hóa, giáo dục...chế độ XHCN bước đầu hình thành , sx nông nghiệp pt, công nghiệp đc tăng cường
    - Đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, miền Bắc không những vừa chia lửa cho chiến trường, mà còn hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa cách mạng cho cả nước và nhiệm vụ hậu phương lớn cho chtr MN
  - Miền Nam:

## Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- 1954-1960: đánh bại chiến tranh đơn phương của Mỹ - Ngụy
  - 1961-1965: đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt”
  - 1965-1968: đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán ở Pari.
  - 1969-1975: đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” mà đỉnh cao là Đại thắng mùa xuân năm 1975 với chiến dịch HCM lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam Việt Nam.
- b. Ý nghĩa
- Kết thúc thắng lợi 21 năm kháng chiến chống Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng (tính từ 1945), 115 năm chống thực dân phương Tây (1858), đưa lại độc lập thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trên cả nước
  - Mở ra một kỷ nguyên mới, kỉ ng hòa bình thống nhất cả nước cùng đi lên CNXH.
  - Tăng thêm thế và lực cho cm và dân tộc VN, nâng cao uy tín của đảng và nhà nước VN trên trường quốc tế
  - Đối với cách mạng thế giới: cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì mục tiêu độc lập dân tộc, dân chủ tự do và hoà bình phát triển của nhân dân Tg
- c. Nguyên nhân thắng lợi
- Có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng CSVN
  - Là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh của nhân dân và quân đội cả nước
  - Miền Bắc đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là một hậu phương lớn, hết lòng chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam
  - Tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương.
  - Sự ủng hộ nhiệt tình của CP và ND tiến bộ thế giới
- d. Bài học kinh nghiệm
- Đề ra và thực hiện đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh của thời đại làm thành sức mạnh tổng hợp để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược
  - Tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng đế quốc Mỹ xâm lược
  - Thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn sáng tạo
  - Công tác tổ chức, thực hiện năng động sáng tạo của các cấp bộ Đảng.
  - coi trọng công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng c/m

## Chương IV: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP, HÓA HIỆN ĐẠI HÓA

### I - *Chủ trương, kết quả, hạn chế, nguyên nhân của CNH trước thời kì đổi mới*

#### 1. Chủ trương của Đảng về công nghiệp hoá

- Ở miền Bắc (1960 - 1975)
  - Đặc điểm khi tiến hành CNH: nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn TBCN
  - Mục tiêu cơ bản của CNH: xây dựng nền kinh tế XHCN cân đối
  - Phương hướng CNH: Theo tinh thần của Hội nghị TW 7, khoá 3
  - + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lí
  - + Kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp với phát triển nông nghiệp
  - + Ra sức phát triển công nghiệp nhẹ song song với phát triển công nghiệp nặng



- + Ra sức phát triển công nghiệp TW đồng thời phát triển c. nghiệp địa phương
  - Trên phạm vi cả nước:
- \* ĐH 9 (12/1976) đề ra đường lối CNH XHCN
- Mục đích của CNH: đẩy mạnh CNH XHCN để xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho CNXH, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ sang sản xuất lớn
- Nội dung chính:
- + Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.
- + Vừa xây dựng kinh tế TW vừa phát triển kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.
- \* Đại hội V (3-1982) đã xác định nội dung chính của CNH trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ ở nước ta là phải lấy nông nghiệp làm mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp nặng cần có *mức độ*, vừa sức nhằm phục vụ thiết thực, có hiệu quả cho công nghiệp nhẹ và nông nghiệp.
  - Đặc trưng chủ yếu của CNH trước thời kì đổi mới (1960 – 1985)
  - Nền kinh tế tiến hành CNH theo mô hình khép kín, hướng nội, thiên về phát triển công nghiệp nặng
  - CNH dựa vào lợi thế lao động, tài nguyên và nguồn viện trợ của nước ngoài
  - CNH tiến hành trong cơ chế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu, bao cấp, không tôn trọng các quy luật thị trường
  - Nóng vội, giản đơn, duy ý chí, ham làm nhanh, làm lớn, không tính đến hiệu quả kinh tế xã hội

## **2. Kết quả của CNH trước thời kì đổi mới**

- So với năm 1955, số xí nghiệp tăng lên 16,5 lần. Nhiều khu công nghiệp lớn đã hình thành, đã có nhiều cơ sở đầu tiên của các ngành công nghiệp nặng quan trọng như điện, than, cơ khí, luyện kim, hoá chất được xây dựng
- Đã có hàng chục trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề đào tạo được đội ngũ cán bộ khoa học - kĩ thuật xấp xỉ 43 vạn người, tăng 19 lần so với năm 1960 là thời điểm bắt đầu công nghiệp hoá

## **3. Hạn chế của CNH trước thời kì đổi mới**

- Cơ sở vật chất kĩ thuật còn hết sức lạc hậu, những ngành công nghiệp then chốt còn nhỏ bé và chưa được xây dựng đồng bộ, chưa đủ sức làm nền tảng vững chắc cho nền kinh tế quốc dân
- Lực lượng sản xuất trong nông nghiệp mới chỉ bước đầu phát triển, nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho xã hội. Đất nước vẫn trong tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển, rơi vào khủng hoảng kinh tế – xã hội.

## **4. Nguyên nhân của những hạn chế**

- Về khách quan, chúng ta tiến hành CNH từ một nền kinh tế lạc hậu, nghèo nàn và trong điều kiện chiến tranh kéo dài, vừa bị tàn phá nặng nề, vừa không thể tập trung sức người, sức của cho CNH
- Về chủ quan, chúng ta đã mắc sai lầm nghiêm trọng trong việc xác định mục tiêu, bước đi về cơ sở vật chất, kĩ thuật, bố trí cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư. Đó

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam  
là những sai lầm xuất phát từ chủ quan duy ý chí trong nhận thức và chủ trương  
CNH

## ***II - Quá trình đổi mới tư duy về CNH - HDH của Đảng từ ĐH VIII đến ĐH X***

### ***1. Đại hội VIII (6/1996)***

Đã đưa ra nhận định quan trọng: nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kì quá độ là chuẩn bị tiền đề cho CNH đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kì mới *đẩy mạnh CNH - HDH đất nước*. Đại hội tiếp tục khẳng định quan điểm về CNH - HDH của Đại hội VII: “CNH - HDH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và quản lí kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao”

### ***2. Đại hội IX (4/2001) và Đại hội X (4/2006)***

Đảng ta tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới về CNH

Con đường CNH ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước. Đây là yêu cầu cấp thiết của nước ta nhằm sớm thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Một nước đi sau có điều kiện tận dụng những kinh nghiệm kĩ thuật, công nghệ và thành quả của các nước đi trước, tận dụng xu thế của thời đại qua hội nhập quốc tế để rút ngắn thời gian

Tuy nhiên, tiến hành CNH theo kiểu rút ngắn sơ với các nước đi trước, chúng ta cần thực hiện các yêu cầu như: phát triển kinh tế và công nghiệp phải vừa có những bước tuần tự, vừa có bước nhảy vọt; phát huy những lợi thế của đất nước, gắn CNH với HDH, từng bước phát triển kinh tế tri thức; phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của con người VN, đặc biệt coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, xem đây là nền tảng và động lực cho CNH - HDH

Hướng CNH - HDH ở nước ta là phải phát triển nhanh và có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

CNH - HDH đất nước phải bảo đảm xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tức là phải tiến hành CNH trong một nền kinh tế mở, hướng ngoại.

Đẩy nhanh CNH - HDH nông nghiệp nông thôn hướng vào việc nâng cao năng suất, chất lượng, sản phẩm nông nghiệp.

## ***III - Mục tiêu, quan điểm CNH - HDH của Đại hội Đảng X***

### ***1. Mục tiêu***

- Mục tiêu cơ bản của CNH - HDH là biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kĩ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lí, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng - an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh (Hội nghị TƯ 7 khoá VII).
- Đại hội X: xác định CNH - HDH phải gắn với phát triển kinh tế tri thức, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến 2020 về cơ bản đưa nước ta thành nước công nghiệp hiện đại

### ***2. Quan điểm***

- CNH phải gắn với HDH, CNH - HDH gắn với phát triển nền kinh tế tri thức
- Khái niệm CNH truyền thống: CNH là quá trình thay thế lao động thủ công bằng lao động máy móc trong sản xuất
- CNH phải gắn liền với HDH do sự phát triển của cách mạng KHCN cùng với xu hướng hội nhập toàn cầu hoá. Vì vậy, chúng ta có thể tận dụng, nhập khẩu công nghệ mới để phát triển kinh tế ở một số khâu, một số lĩnh vực.
- CNH - HDH phải gắn với phát triển nền kinh tế tri thức vì trên thế giới nhiều nước đang chuyển từ nước công nghiệp sang phát triển kinh tế tri thức. Do đó ta tận dụng được lợi thế của một nước phát triển sau, ta ko cần phát triển tuần tự mà phát triển theo con đường rút ngắn
- Theo tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD): kinh tế tri thức là nền kinh tế trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Đặc trưng của kinh tế tri thức:
  - + Tất cả những ngành tác động đến nền kinh tế là những ngành dựa vào tri thức, dựa vào thành tựu mới của KHCN
  - + Những ngành kinh tế truyền thống được ứng dụng KHCN cao
  - Đặc điểm của kinh tế tri thức:
    - + LLSX – trí thức: trở thành yếu tố hàng đầu quyết định đến sự tăng trưởng kté
    - + Công nghệ thông tin: thông tin là tài nguyên của quốc gia và nền kinh tế có hệ thống mạng thông tin được phát triển rộng rãi.
    - + Nguồn nhân lực nhanh chóng được tri thức hoá, sáng tạo và học tập trở thành nhu cầu và đổi mới thường xuyên.
    - + Nhiều điều tưởng như nghịch lí: giá trị sử dụng của hàng hoá càng cao thì giá bán càng rẻ, cái đã biết không còn giá trị và tìm ra cái chưa biết sẽ làm mất giá trị của cái đã biết.
    - Cơ hội và thách thức: thách thức mang tính cơ hội
    - + Cho phép những nước đi sau phát triển theo con đường rút ngắn song cũng tạo ra nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước đã phát triển
    - + Tận dụng được lợi thế về công nghệ mới để hiện đại hoá nền kinh tế nhưng cũng có thể biến nước ta thành một bãi rác công nghệ của các nước phát triển.
    - + Tình trạng dễ nhập khẩu chuyên gia có thể bị đảo ngược bởi tình trạng chảy máu chất xám.
    - + Đôi khi, thách thức hay sự yếu kém của nền kinh tế lại mang đến cơ hội mới. VD: khi mạng lưới điện thoại viễn thông chưa có gì -> ta có thể phát triển mạng lưới này với tốc độ nhanh, đi thẳng đến công nghệ hiện đại mà ko mất chi phí tháo dỡ mạng lưới cũ.
- CNH - HDH gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập kinh tế quốc tế
- Lực lượng:
  - + Trước đây, tiến hành CNH trong cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp -> lực lượng tiến hành CNH là Nhà nước bằng một hệ thống chỉ tiêu, kế hoạch, pháp lệnh.
  - + Trong thời kì đổi mới, có nhiều thành phần kinh tế nên CNH - HDH được xem là sự nghiệp của toàn dân trong đó thành phần kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Phương thức phân bổ các nguồn lực
- + Trước đổi mới: phân bổ các nguồn lực thông qua kế hoạch, chỉ tiêu Nhà nước
- + Trong thời kì đổi mới: phân bổ các nguồn lực theo cơ chế thị trường -> hiệu quả kinh tế cao hơn
- Chiến lược phát triển:
- + Trước đổi mới: phát triển theo mô hình khép kín
- + Trong thời kì đổi mới: CNH được tiến hành trong bối cảnh mở cửa, hội nhập với nền kinh tế thế giới.
  - Phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững
- Nhân tố con người là yếu tố quyết định trong các yếu tố cơ bản thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.
- Để phát huy được nhân tố con người cần coi trọng phát triển giáo dục và đào tạo, phải có cơ cấu lao động hợp lí.
  - KHCN là nền tảng, động lực của CNH - HDH
- Vai trò của KHCN: quyết định đến năng suất, chất lượng, hiệu quả của SXKD. Từ đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế.
- Đặc điểm của KHCN nước ta: trình độ thấp, nên để tiến hành CNH - HDH gắn với phát triển kinh tế tri thức thì phải phát triển KHCN
- Giải pháp: nhập khẩu công nghệ, kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học...
  - Phát triển nhanh hiệu quả cao và bền vững. Tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.
- Mục tiêu xây dựng CNXH là thực hiện dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, dân chủ văn minh.
- Biện pháp: phát triển kinh tế nhanh, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tốt nhiệm vụ xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các vùng.
- Phát triển bền vững đòi hỏi: phải bảo vệ môi trường và bảo tồn sự đa dạng sinh học, đó cũng chính là bảo vệ môi trường sống của con người.

#### ***IV- Nội dung, định hướng CNH-HDH gắn với phát triển k. tế tri thức***

##### ***1. Nội dung***

- QĐ của ĐH 10: Chúng ta phải tranh thủ cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng lợi thế của đất nước để rút ngắn quá trình CNH,HDH đất nước theo định hướng XHCN gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và CNH,HDH
- a. Phát triển mạnh các ngành, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao nhưng phải dựa nhiều vào tri thức, kết hợp tri thức của người Việt Nam với tri thức mới nhất của thời đại.
- b. Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng
- c. Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lí
- + Khách quan: tỉ trọng nông nghiệp giảm, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng

- + Xét về tính hiện đại: trình độ kĩ thuật của nền kinh tế ko ngừng lớn mạnh, phù hợp với yêu cầu tiên bộ KHCN
- + Xét về tính hiệu quả: cho phép khai thác được tiềm năng thế mạnh của các vùng, địa phương, quốc gia.
- + Xét về tính thị trường: cho phép tham gia phân công lao động, hợp tác quốc tế sôi động -> cơ cấu kinh tế mở
- d. Giảm chi phí trung gian, tăng năng suất lao động ở tất cả các ngành, lĩnh vực.

## **2. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình CNH -**

### **HDH gắn với kinh tế tri thức**

- Đẩy mạnh CNH nông nghiệp nông thôn đồng thời giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân
- \* Một là CNH, HDH nông nghiệp, nông thôn
- Sự cần thiết phải CNH, HDH nông nghiệp nông thôn:
- + Tính quy luật của quá trình thu hẹp khu vực nông nghiệp, nông thôn và gia tăng khu vực công nghiệp, dịch vụ và đô thị.
- + Nông nghiệp là nơi cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu và lao động cho công nghiệp và thành thị, là thị trường rộng lớn của công nghiệp và dịch vụ.
- + Nông thôn là nơi chiếm đa số cư dân thời điểm bắt đầu tiến hành CNH.
- Vai trò của nông nghiệp
- + Cung cấp lương thực thực phẩm cho toàn xã hội
- + Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp nhẹ, quyết định quy mô phát triển của công nghiệp nhẹ
- + Cung cấp một phần vốn cho CNH
- + Nông nghiệp là thị trường rộng lớn của công nghiệp và dịch vụ
- + Bảo đảm an ninh lương thực, an ninh chính trị xã hội
- Định hướng CNH ở nông nghiệp, nông thôn:
- + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với phát triển công nghiệp chế biến và thị trường; đa dạng nhanh tiến bộ khoa học - kĩ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nông sản hàng hoá, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương.
- + Tăng nhanh tỷ trọng và giá trị sản phẩm các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần tỷ trọng sản phẩm và lao động trong nông nghiệp
- \* Hai là về quy hoạch phát triển nông thôn
- Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.
- Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng văn hoá xã hội đồng bộ như thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, các cụm công nghiệp, y tế, bưu điện.
- Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hoá, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh trật tự an toàn xã hội.
- \* Ba là giải quyết lao động, tạo việc làm ở nông thôn.
- Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân.
- Chuyển dịch cơ cấu lao động.
- Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xoá đói giảm nghèo.
- Phát triển nhanh công nghiệp xây dựng dịch vụ
- Đối với công nghiệp và xây dựng

- + Phát triển ngành công nghệ cao, công nghệ chế tác, phần mềm để tạo ra lợi thế cạnh tranh
- + Phát triển các khu kinh tế mở, các đặc khu kinh tế
- + Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển công nghiệp, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng hiện đại.
- Đối với dịch vụ:
  - + Tạo ra sự đột phá đối với dịch vụ có chất lượng cao
  - + Phát triển mạnh dịch vụ truyền thống
  - + Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung cấp dịch vụ
    - Phát triển kinh tế vùng
  - Vai trò: Cơ cấu vùng kinh tế được xác định đúng sẽ cho phép khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh của từng vùng, tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng.
  - Định hướng:
    - + Một là, có chính sách, cơ chế phù hợp để các vùng phát huy được lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý và tạo ra sự liên kết giữa các vùng trong phát triển.
    - + Hai là, xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền bắc, trung, nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao ...
    - + Ba là, bổ sung chính sách khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, kinh doanh tại vùng khó khăn.
      - Phát triển kinh tế biển
    - Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.
    - Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển đảo. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển, đồng thời hình thành một số hành lang kinh tế ven biển
      - Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ
    - Cơ cấu lao động: Đến năm 2010 có cơ cấu lao động đồng bộ, chất lượng cao và tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn dưới 50%.
    - Chú trọng công nghệ cao, đi ngay vào công nghệ hiện đại để tạo đột phá kết hợp với sử dụng công nghệ nhiều lao động để tạo việc làm.
    - Kết hợp chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục đào tạo.
    - Đổi mới cơ chế quản lý khoa học công nghệ, đặc biệt là cơ chế tài chính.
      - Bảo vệ và sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, nhất là tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản.
    - Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên đất, nước, khoáng sản, và rừng.
    - Từng bước hiện đại hoá công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng – thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn
    - Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hoá với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững.
    - Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

**V - *Kết quả, ý nghĩa, hạn chế, ng.nhân của CNH-HDH thời kì đổi mới***

**1. *Kết quả***

- Cơ sở vật chất - kĩ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế được nâng cao. Từ một nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp lạc hậu, cơ sở vật chất yếu kém đi lên, đến nay cả nước đã có hơn 100 khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung, nhiều khu hoạt động có hiệu quả, tỉ lệ ngành công nghiệp chế tác, cơ khí chế tạo và nội địa hoá sản phẩm ngày càng tăng. Các ngành công nghiệp luyện kim, cơ khí, vật liệu xây dựng, hoá dầu... đã và đang có những bước phát triển mạnh mẽ.
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được những kết quả quan trọng: tỉ trọng công nghiệp và xây dựng tăng, tỉ trọng nông, lâm nghiệp và thuỷ sản giảm (giai đoạn 2001 - 2005, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 36,7% lên 41%, còn tỷ trọng nông lâm thuỷ sản giảm từ 24,5% xuống còn 20,9%). Trong từng ngành kinh tế còn có sự chuyển dịch tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu công nghệ theo hướng tiên bộ, hiệu quả, gắn với sản xuất, với thị trường.
- + Cơ cấu kinh tế vùng đã có sự điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh chóng đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng và là đầu tàu của nền kinh tế
- + Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu
- + Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn liền với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Từ năm 2000 đến 2005, tỉ trọng lao động trong công nghiệp và xây dựng tăng từ 12,1% lên 17,9%, trong nông lâm ngư nghiệp giảm từ 68,2% xuống còn 56,8%, lao động qua đào tạo tăng từ 20% lên 25%.
- a. Những thành tựu của CNH - HDH đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, bình quân từ năm 2000 đến 2005 đạt trên 7.51%/năm, các năm 2006 - 2007 đạt 8%/năm, thu nhập đầu người tăng lên đáng kể: năm 2005 đạt 640USD/người thì năm 2007 đạt trên 800USD/người, góp phần quan trọng vào công tác xoá đói, giảm nghèo, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tiếp tục được cải thiện.

**2. *Ý nghĩa***

Những thành tựu trên có ý nghĩa rất quan trọng, là cơ sở phân đầu để sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

**3. *Hạn chế***

- a. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều nước trong khu vực thời kì đầu công nghiệp hoá. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp. Tăng trưởng kinh tế chủ yếu theo chiều rộng, tập trung vào các ngành công nghệ thấp, tiêu hao vật chất cao, sử dụng nhiều tài nguyên, vốn và lao động. Năng suất lao động còn thấp so với nhiều nước trong khu vực.
- b. Nguồn nhân lực đất nước chưa được sử dụng có hiệu quả: tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn của Nhà nước còn bị lãng phí, thất thoát nghiêm trọng. Nhiều nguồn lực trong dân chưa được phát huy.

- c. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm. Trong công nghiệp các sản phẩm có hàm lượng tri thức cao còn ít. Trong nông nghiệp sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ với thị trường. Nội dung CNH - HDH nông nghiệp, nông thôn còn thiếu cụ thể. Chất lượng nguồn nhân lực của đất nước còn thấp. Tỷ trọng lao động trong nông nghiệp còn cao, tỷ trọng lao động qua đào tạo còn thấp, lao động thiếu việc làm và không việc làm còn nhiều.
- d. Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại. Kinh tế vùng chưa có sự liên kết chặt chẽ, hiệu quả thấp và chưa được quan tâm đúng mức.
- e. Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tạo được đầy đủ môi trường hợp tác, cạnh tranh bình đẳng và khả năng phát triển của các thành phần kinh tế.
- f. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Công tác quy hoạch chất lượng thấp, quản lý kém, chưa phù hợp với cơ chế thị trường.
- g. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn lạc hậu, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

#### **4. Nguyên nhân**

- h. Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và sử dụng được tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.
- i. Cải cách hành chính còn chậm và kém hiệu quả. Công tác tổ chức, cán bộ chậm đổi mới, chưa đáp ứng được yêu cầu.
- j. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện yếu kém
- k. Công tác quy hoạch chất lượng kém, nhiều bất hợp lý dẫn đến quy hoạch “treo” khá phổ biến gây lãng phí nghiêm trọng; cơ cấu đầu tư bất hợp lý làm cho đầu tư kém hiệu quả, công tác quản lý yếu kém.

#### **Câu hỏi: Phân biệt công nghiệp hóa và hiện đại hóa:**

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa: theo tinh thần của hội nghị TƯ VII khóa 7, CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học-công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Hiện đại hóa là quá trình sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại phù hợp với công nghệ của thế giới để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

#### **Khác nhau:**

Công nghiệp hóa chỉ tiến hành trong một thời gian nhất định, khi nào thành nước công nghiệp thì quá trình công nghiệp hóa sẽ dừng lại, trong khi hiện đại hóa là quá trình lâu dài.

Công nghiệp hóa do các nước nông nghiệp lạc hậu hoặc đang trong thời kỳ quá độ lện chủ nghĩa xã hội tiến hành, còn hiện đại hóa thì được tiến hành ở tất cả các quốc gia, kể cả những nước đã phát triển.

#### **Tại sao phải tiến hành công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa:**

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa: theo tinh thần của hội nghị TƯ VII khóa 7, CNH, HĐH là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh



doanh dịch vụ và quản lý kinh tế xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học-công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Hiện đại hóa là quá trình sử dụng công nghệ tiên tiến hiện đại phù hợp với công nghệ của thế giới để chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Nguyên nhân phải tiến hành công nghiệp hóa gắn liền với hiện đại hóa:

Đặc điểm của nước ta là nước nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu, kém phát triển, lại bị chiến tranh phá hoại nặng nề, cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp trước đây dẫn đến nền kinh tế bị tụt hậu so với thế giới, điều đó đòi hỏi nước ta phải tiến hành công nghiệp hóa.

Bối cảnh thế giới: sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ, nếu nước ta không kịp thời tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì sẽ bị bỏ lại phía sau. Đồng thời nước ta tận dụng được lợi thế của nước phát triển sau, tiếp thu được công nghệ mà không phải bỏ công sức ra để tìm tòi, phát minh.

Quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, số nước bắt đầu chuyển sang nền kinh tế tri thức yêu cầu nước ta phải bắt kịp xu thế đó.

## **CHƯƠNG V: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XHCN**

### ***I - Quá trình đổi mới nhận thức của Đảng về nền kinh tế thị trường qua các Đại hội Đảng VI, VII, VIII, IX, X***

#### ***1. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII***

- *Thứ nhất:* KTTT không phải cái riêng có của CNTB mà là thành tựu chung của nhân loại:
  - KTHH ra đời từ KTTN, KTTT là giai đoạn phát triển cao của KTHH
  - KTHH là hình thức tổ chức kinh tế xã hội mà sản phẩm của quá trình dùng để thoả mãn nhu cầu của con người thông qua trao đổi, mua bán
  - KTTT là phương thức tổ chức, vận hành nền kinh tế, là phương tiện điều tiết kinh tế lấy cơ chế thị trường làm cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế và điều tiết mối quan hệ giữa người với người
  - KTHH và KTTT giống nhau về bản chất (đều chịu sự điều tiết của cơ chế thị trường) và nguồn gốc (xuất phát từ KTTN và sự phân công lao động xã hội)
  - KTHH và KTTT khác nhau về trình độ phát triển: KTTT phát triển sau nên với trình độ cao hơn, KTHH có đầu ra thông qua thị trường nhưng đầu vào thì chưa chắc, trong khi KTTT có cả đầu ra và đầu vào thông qua thị trường
- > Tóm lại: KTTT tồn tại và phát triển là tất yếu khách quan, nó không phải là sản phẩm riêng của CNTB mà là thành tựu chung của nhân loại nhưng hiện nay có nhiều mô hình KTTT khác nhau (KTTT tự do, KTTT xã hội)
  - *Thứ hai:* KTTT còn tồn tại khách quan trong thời kì quá độ lên CNXH
  - Tính tất yếu khách quan phải phát triển KTTT trong thời kì quá độ lên CNXH
  - + KTTT là 1 kiểu tổ chức kinh tế, là trình độ phát triển cao của KTHH
  - + KTTT đối lập với KTTN, chứ không phải là đặc trưng bản chất của 1 chế độ kinh tế cơ bản của xã hội
  - + KTTT tồn tại ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau

- + Trong thời kì quá độ có những cơ sở kinh tế là điều kiện tồn tại và phát triển của KTTT và phát triển KTTT là cần thiết cho quá trình xây dựng CNXH
- > Vì vậy mô hình phát triển tổng quát của nước ta là: “phát triển KTHH nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước”
- Đặc trưng của mô hình:
- + Các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, cạnh tranh và hợp tác với nhau
- + Các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực kinh doanh và phương án tổ chức sản xuất theo sự hướng dẫn của thị trường
- + Nhà nước quản lí nền kinh tế đề định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội
- *Thứ ba:* Sự cần thiết phải sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng XH ở nước ta  
Kinh tế thị trường có vai trò to lớn trong phát triển kinh tế xã hội vì đặc trưng chung của KTTT:
  - Các chủ thể kinh tế có tính độc lập, có quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh
  - Giá cả do thị trường quyết định, hệ thống thị trường phát triển đầy đủ và có tác dụng là cơ sở cho việc phân phối các nguồn lực kinh tế
  - Nền kinh tế có tính mở cao và vận động theo quy luật vốn có của nền kinh tế thị trường
  - Nền kinh tế thị trường hiện đại còn có sự điều tiết vĩ mô của nhà nước

## **2. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội X**

### **Đại hội IX:**

- Mô hình tổng quát: KTTT định hướng XHCN
  - + Khái niệm nền KTTT định hướng XHCN theo dh IX : 1 kiểu tổ chức kt vừa tuân theo quy luật của kt3 vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của CNXH
  - Điểm phát triển: quan niệm trước đây chỉ coi KTTT là phương tiện, thì hiện nay coi KTTT vừa là phương tiện vừa là mục đích
  - + Thế mạnh của thị trường là để phát triển LLSX
  - + Tính định hướng XHCN: thể hiện ở QHSX
  - Bản chất của KTTT định hướng XHCN: không phải là kinh tế kế hoạch hóa tập trung, cũng không phải là KTTT TBCN và cũng chưa hoàn toàn là KTTT XHCN vì nó chưa có đầy đủ các yếu tố XHCN
  - **Đại hội X:** Tính định hướng XHCN trong phát triển KTTT ở nước ta thể hiện qua 4 tiêu chí:
    - Về mục tiêu phát triển: nhằm thực hiện”dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Thể hiện mục tiêu phát triển kt vì con người gp llsx pt kt để nâng cao đời sống cho mọi người
    - Phương hướng phát triển: phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế trong đó KTNN giữ vai trò chủ đạo , là công cụ chủ yếu điều tiết nền kt
- Đại hội X tiếp tục hoàn thiện nhận thức về sở hữu và các thành phần kinh tế:

- + Khẳng định có 3 chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể và tư nhân), hình thành 5 thành phần kinh tế
- + KTNN giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất để nhà nước điều tiết và định hướng nền kinh tế
- + KTNN và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân, kinh tế tư nhân là một trong các động lực của nền kinh tế
- Về định hướng xã hội và phân phối
- + Lĩnh vực xã hội: kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội
- + Lĩnh vực phân phối: nhiều hình thức phân phối trong đó phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế và phúc lợi xã hội là chủ yếu
- + Về quản lí: phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lí của nhà nước pháp quyền XHCN, dưới sự lãnh đạo của Đảng

## **II - Quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta**

### **1. Mục tiêu và điểm cơ bản**

#### **a. Thể chế kinh tế và thể chế KTTT**

- Thể chế kinh tế: là một hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế
  - \* Nội dung của thể chế kinh tế:
    - Các đạo luật, quy chế, quy tắc, chuẩn mực về kinh tế gắn với các chế tài về kinh tế
    - Các tổ chức kinh tế, các cơ quan quản lí nhà nước về kinh tế và cơ chế vận hành nền kinh tế
  - Thể chế KTTT: là một tổng thể bao gồm các quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh các hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường
  - \* Nội dung của thể chế KTTT: Các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường
    - Cách thức thực hiện các quy tắc nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mong muốn
    - Các thị trường - nơi các hàng hóa được giao dịch, trao đổi
  - Thể chế KTTT định hướng XHCN:
    - Cách hiểu thứ nhất: là thể chế KTTT trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển LLSX, cải thiện đời sống nhân dân vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh
    - Cách hiểu thứ hai: thể chế KTTT định hướng XHCN là công cụ hướng dẫn cho các chủ thể trong nền kinh tế vận động theo đuổi mục tiêu kinh tế xã hội tối đa, chứ không đơn thuần là mục tiêu lợi nhuận tối đa
- #### **b. Mục tiêu hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN**
- Mục tiêu cơ bản (dài hạn)
    - Làm cho thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của thể chế KTTT, thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, giữ vững định hướng XHCN, xây dựng và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt Nam XHCN
    - Mục tiêu này hoàn thành cơ bản vào năm 2020
  - Mục tiêu trong những năm trước mắt

- Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển thuận lợi
  - Đổi mới mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công
  - Phát triển đồng bộ, đa dạng các loại hình thị trường cơ bản thống nhất trong cả nước, từng bước hội nhập với thị trường khu vực và thế giới
  - Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường
  - Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của cơ quan quản lý nhà nước và phát huy tốt vai trò của các tổ chức mặt trận, đoàn thể trong tổ chức kinh tế xã hội
- c. Quan điểm về hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN
- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng các quy luật khách quan của KTTT, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện Việt Nam, đảm bảo tính định hướng XHCN
  - Đảm bảo tính đồng bộ của các bộ phận cấu thành thể chế, các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế và thể chế chính trị, xã hội; giữa nhà nước, thị trường và xã hội
  - Kế thừa những thành tựu trong phát triển KTTT và kinh nghiệm tổng kết thực tiễn đổi mới ở nước ta, chủ động tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia
  - Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng, bức xúc, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết kinh nghiệm
  - Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

## 2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

### **a) Thống nhất nhận thức về nền KTTT định hướng XHCN**

- KTTT là phương tiện để xây dựng CNXH
- Là cơ sở kinh tế để phát triển định hướng XHCN
- Là nền kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu sự chi phối bởi các yếu tố để đảm bảo tính định hướng XHCN

### **b) Hoàn thiện thể chế sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh**

- Pháp luật cần quy định về sở hữu để đảm bảo cho các quyền và lợi ích của các chủ thể sở hữu. Nhất là các loại sở hữu như: sở hữu trí tuệ, cổ phiếu, tài nguyên nước...
- Khẳng định đất đai là sở hữu của toàn dân, mà đại diện là nhà nước, đồng thời đảm bảo và tôn trọng các quyền của người sử dụng đất
- Tách biệt vai trò của nhà nước với tư cách là bộ máy công quyền quản lý nền kinh tế xã hội với vai trò chủ sở hữu tài sản vốn, tách chức năng chủ sở hữu tài sản vốn với chức năng quản trị kinh doanh của doanh nghiệp
- Quy định rõ về quyền của chủ sở hữu và những người liên quan đối với các loại tài sản, đồng thời quy định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của họ đối với xã hội

- Tạo cơ chế khuyến khích sự liên kết giữa các loại hình sở hữu, làm cho sở hữu cổ phần, sở hữu hỗn hợp trở thành hình thức sở hữu chủ yếu của các doanh nghiệp trong nền kinh tế
- Ban hành các văn bản pháp lí về sở hữu của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam
- \* Hoàn thiện thể chế về phân phối : hoàn thiện lập pháp, cơ chế, chính sách về phân bổ nguồn lực và phân phối lại để đảm bảo tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội
- Các nguồn lực phải phân bổ theo cơ chế thị trường kết hợp với sự quản lí của nhà nước
- Chính sách phân phối và phân phối lại phải đảm bảo kết hợp hài hòa lợi ích. Để thực hiện điều đó cần:
  - + Đổi mới phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế
  - + Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế của nhà nước để các đơn vị sự nghiệp công lập phát triển mạnh và có hiệu quả
- c) Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại thị trường**
  - \* Các yếu tố của thị trường :
    - Hoàn thiện thể chế về giá, cạnh tranh và kiểm soát độc quyền trong kinh doanh
    - Hoàn thiện cơ chế giám sát, điều tiết thị trường, xúc tiến thương mại và đầu tư phù hợp với thông lệ quốc tế
    - Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm, môi trường và tăng cường kiểm tra chất lượng hàng hóa dịch vụ và xử lí sai phạm
  - \* Phát triển đồng bộ các loại hình thị trường:
    - Thị trường hàng hóa dịch vụ
    - Thị trường chứng khoán
    - Thị trường bảo hiểm
    - Thị trường bất động sản
    - Thị trường sức lao động
    - Thị trường khoa học, công nghệ
- d) Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường**
  - Thực hiện chính sách khuyến khích làm giàu đi đôi với tích cực thực hiện giảm nghèo, đặc biệt ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng dân tộc và các căn cứ cách mạng trước đây
  - Xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa dạng và linh hoạt phù hợp với yêu cầu của KTTT định hướng XHCN
  - Hoàn thiện luật pháp, chính sách về bảo vệ môi trường, có chế tài đủ mạnh đối với các trường hợp vi phạm và thực thi tốt trong thực tế
- e) Hoàn thiện thể chế và vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lí của nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế xã hội**
  - Vai trò lãnh đạo của Đảng: nghiên cứu lí luận và tổng kết thực tiễn để xác định rõ mô hình KTTT định hướng XHCN
  - Đổi mới và nâng cao vai trò, hiệu lực quản lí kinh tế của nhà nước
  - Các tổ chức quần chúng, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp và nhân dân có vai trò quan trọng trong phát triển KTTT định hướng XHCN

### 3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân

#### ▪ Kết quả và ý nghĩa

- Đã chuyển đổi thành công thể chế kinh tế, đường lối đổi mới đã được thể chế hóa thành pháp luật, tạo ra hành lang pháp lí cho KTTT định hướng XHCN hình thành và phát triển
- Chế độ sở hữu nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành
- Các loại hình thị trường đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới
- Quản lí thị trường của nhà nước đã có sự thay đổi
- Cần phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội

#### ▪ Hạn chế và nguyên nhân

##### \* Hạn chế:

- Quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế mới còn chậm, hệ thống pháp luật, chính sách chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ nên chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập
- Đổi mới sắp xếp lại khu vực DNNN chưa đáp ứng được yêu cầu gây thất thoát tài sản của nhà nước
- Các yếu tố thị trường và các loại hình thị trường hình thành và phát triển còn chậm, thiếu đồng bộ
- Hiệu lực quản lí của bộ máy quản lí nhà nước còn thấp mới chậm, chất lượng dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục còn thấp
- Môi trường chưa được giải quyết tốt

##### \* Nguyên nhân:

- Mô hình KTTT định hướng XHCN là mô hình mới nên nhận thức về nó chưa đầy đủ
- Năng lực thể chế hóa và quản lí, tổ chức thực hiện của nhà nước còn chậm, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội
- Vai trò tham gia của các tổ chức quần chúng, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức nghề nghiệp còn yếu

## CHƯƠNG VI: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

### *I - Đường lối xây dựng hệ thống chính trị trước thời kì đổi mới (1945-1989)*

#### *1. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị*

##### \* *Đặc trưng của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân (1945-1954):*

Thực hiện nhiệm vụ đường lối cách mạng: đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc, xóa bỏ tính pk, phát triển chế độ DCND.

- Dựa trên nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc hết sức rộng rãi:
- Có một chính quyền tự xác định là công bộc của dân, coi dân là chủ và dân làm chủ, cán bộ sống và làm việc giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.
- Vai trò lãnh đạo của Đảng (từ 11-1945 đến 5-1951) ấn dấu trong vai trò của QH & cá nhân chủ tịch HCM
- Có một mặt trận (Liên Việt) và nhiều tổ chức quần chúng rộng rãi
- Cơ sở kinh tế chủ yếu của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân là nền sx hàng hóa nhỏ

- Đã xuất hiện (ở một mức độ nhất định) của xã hội dân sự đối với Nhà nước và Đảng; sự phân biệt giữa hai đảng khác (Đảng dân chủ và đảng xã hội) đối với Đảng cộng sản Việt Nam.
- \* *Hệ thống chuyên chính vô sản (giai đoạn 1955-1975 và giai đoạn 1975-1989)*  
Giai đoạn 1955-1975 bắt đầu thực hiện n.vụ chuyên chính vô sản ở miền Bắc.  
Từ 30-4-1975, hệ thống chuyên chính vô sản hoạt động trong phạm vi cả nước.
- a. **Cơ sở hình thành hệ thống CCVS ở nước ta**
  - \* Một là, Lý luận của CN Mác-Lênin về TKQĐ và CCVS
    - Bản chất của CCVS là tiếp tục đấu tranh giai cấp dưới hình thức mới.
  - Theo Mác: Giữa xã hội TBCN và xã hội CSCN là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là TKQĐ chính trị, Nhà nước của thời kỳ ấy không có gì khác hơn là nền CCVS.
  - Lê nin nhấn mạnh: Muốn chuyển từ CNTB lên CNXH thì phải chịu đựng lâu dài nỗi đau đớn của thời kỳ sinh đẻ, phải có một thời kỳ chuyên chính vô sản lâu dài.
    - CCVS là tất yếu khách quan của TKQĐ lên CNXH.
  - \* Hai là, Đường lối chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới
    - Đại hội IV: nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động
    - Hiến pháp của nước cộng hoà XHCN Việt Nam, năm 1980 khẳng định: Nhà nước cộng hoà XHCN Việt Nam là Nhà nước chuyên chính vô sản.
    - Đại hội V (1982) tiếp tục khẳng định đường lối do đại hội IV đề ra.
  - \* Ba là, cơ sở chính trị của hệ thống CCVS của nước ta được hình thành từ những năm 1930 và bắt rễ vững chắc trong lòng dân tộc Việt Nam
  - \* Bốn là, cơ sở kinh tế của hệ thống CCVS là nền kinh tế kế hoạch hoá, tập trung, quan liêu, bao cấp
  - \* Năm là, cơ sở xã hội của hệ thống chuyên chính vô sản là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.
- b. **Chủ trương xây dựng hệ thống chuyên chính vô sản mang đặc điểm Việt Nam**
  - Quan niệm về hệ thống chuyên chính vô sản: “Xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN; tức là xây dựng một hệ thống hoàn chỉnh các quan hệ xã hội ngày càng đầy đủ của nhân dân lao động trên tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân”.
    - Nội dung của chủ trương chuyên chính vô sản :
  - + Xác định quyền làm chủ của nhân dân được thể chế hoá bằng pháp luật và tổ chức.
  - + Xác định Nhà nước trong thời kỳ quá độ là: “Nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện chế độ dân chủ XHCN”.
  - + Xác định Đảng là người lãnh đạo toàn bộ các hoạt động xã hội trong điều kiện chuyên chính vô sản.
  - + Xác định nhiệm vụ chung của mặt trận và các đoàn thể.
  - + Xác định mối quan hệ Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý là cơ chế chung trong quản lý xã hội.

## **2. Đánh giá thực hiện đường lối**

- *Điểm thành công:*

Đảng đã coi làm chủ tập thể XHCN là bản chất của hệ thống chuyên chính vô sản ở nước ta, đã xây dựng được mối quan hệ đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà n-

ước quản lý thành cơ chế chung trong hoạt động của hệ thống chính trị ở tất cả các cấp, các địa phương.

• *Điểm hạn chế:*

- + Trong hệ thống CCVS giai đoạn này, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ở từng cấp, từng đơn vị cha được xác định rõ...
- + Bộ máy quản lý Nhà nước còn công kênh và kém hiệu quả mà nguyên nhân là do cơ chế quản lý.
- + Sự lãnh đạo của Đảng chưa ngang tầm nhiệm vụ của giai đoạn mới.
- + Đảng chưa phát huy hết vai trò và chức năng của các đoàn thể trong việc giáo dục, động viên quần chúng tham gia quản lý kinh tế - xã hội...
  - *Nguyên nhân chủ quan:*
- + Duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
- + Hệ thống CCVS có biểu hiện bảo thủ, trì trệ, chậm đổi mới so với những đột phá của cơ chế kinh tế.
- + Bệnh chủ quan, duy ý chí; tư tưởng tiểu tư sản vừa tả khuynh, vừa hữu khuynh trong vai trò lãnh đạo của Đảng.

## **II - Đường lối xây dựng hệ thống chính trị trong thời kì đổi mới**

### **1. Quá trình hình thành đường lối đổi mới hệ thống chính trị của đảng**

❖ *Nhận thức về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị.*

- Đổi mới bắt đầu từ đổi mới kinh tế, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đồng thời từng bước đổi mới hệ thống chính trị.
- Mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị: chúng có mệh mật thiết với nhau trong đó đổi mới KT thành công sẽ tạo thuận lợi cho đổi mới CT. Tuy nhiên sự đổi mới tích của HTCT cũng có tác động tích cực đến đổi mới KT & tiêu cực đến KT nếu sự đổi mới ko phù hợp, ko theo kịp với đổi mới KT.

❖ *Nhận thức mới về mục tiêu đổi mới hệ thống chính trị*

- Cương lĩnh năm 1991: “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”.
- Báo cáo chính trị của đại hội VII (1991) nhấn mạnh, thực chất của đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị của nước ta là xây dựng nền dân chủ XHCN. Dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

❖ *Nhận thức về đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu phát triển đất nước trong gia đoạn mới.*

- Mối quan hệ giữa các g/c là quan hệ hợp tác & đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp XD và bảo vệ TQ dưới sự lãnh đạo của đảng.
- Nhận thức lại về đấu tranh giai cấp:
- Lợi ích của giai cấp công nhân phải thống nhất với lợi ích chung của dân tộc, đảm bảo mục tiêu chung của DT.
- Nội dung của đấu tranh giai cấp: để thực hiện công bằng XH, đấu tranh chống những hành vi sai trái, tiêu cực, đấu tranh chống những thế lực thù địch.
- Động lực chủ yếu phát triển đất nước:
- + Thực hiện đại đoàn kết toàn dân trong đó g/c CN – ND liên minh với tầng lớp trí thức là lực lượng chủ yếu.



+ Kết hợp hài hoà các lợi ích: cá nhân, tập thể, xã hội

❖ *Nhận thức mới về cơ cấu và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị.*

Hệ thống chính trị hoạt động theo cơ chế: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”. Trong đó:

- Đảng là một bộ phận của HTCT, là hạt nhân của HT & phải chấp hành hiến pháp & pháp luật nhưng chúng ta ko chấp nhận đa nguyên, đa đảng.
- Nhà nước pháp quyền XHCN, là nhà nước của dân, do dân, vì dân, có trách nhiệm biến các chủ trương chính sách của đảng thành các thể chế quản lý.
- Mặt trận tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các tổ chức đoàn thể làm nhiệm vụ phản biện, giám sát Đảng & NN để phát huy quyền làm chủ của ND
- Nhân dân là người làm chủ xã hội và làm chủ thông qua các cơ quan đại diện, đồng thời làm chủ thông qua cơ chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

❖ *Nhận thức mới về việc xây dựng Nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị*

- Thuật ngữ “xây dựng Nhà nước pháp quyền” lần đầu tiên được đề cập tại hội nghị TƯ2 khoá VII (1991).
- Các nội dung của việc xây dựng Nhà nước: NN quản lý bằng HP&PL, giữ vị trí tối thượng trong việc điều chỉnh các mqh, người dân được quyền tự do, dân chủ nhưng trong khuôn khổ của HP&PL.

❖ *Nhận thức mới về vai trò lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị*

- Nhận thức rõ hơn về vị trí và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng không làm thay Nhà nước.
- Đảng quan tâm, xây dựng và củng cố Nhà nước, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội
- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng phải đồng bộ với đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, đổi mới kinh tế.

**2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

*a, Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị*

◆ Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

• **Mục tiêu:**

- Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ XHCN, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.
- Bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân

• **Quan điểm:**

- Kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.
- Đổi mới hệ thống chính trị nhằm làm cho từng thành tố và cả hệ thống hoạt động năng động hơn, hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ
- Đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, với bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

- Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành trong hệ thống chính trị với nhau và với xã hội nhằm đạt được mục tiêu đổi mới toàn diện

◆ **Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị**

- Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và đổi mới cách thức, phương thức hoạt động của các bộ phận cấu thành hệ thống
- \* XD Đảng trong HTCT
- Nhận thức rõ hơn Đảng là của ai? đại biểu cho lợi ích của ai?
- + Theo quan niệm trước ĐH X đảng CSVN là đội quân tiên phong của g/c CN, đại biểu trung thành cho lợi ích của g/c CN, nhân dân lao động và cả dân tộc.
- + Quan niệm của ĐH X: “Đảng CSVN là đội quân tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc VN, đại biểu trung thành lợi ích của g/c CN, nhân dân lao động và của dân tộc”
- Nhận thức rõ hơn và đổi mới có hiệu quả hơn phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, khắc phục cả 2 khuynh hướng thường xảy ra là Đảng bao biện làm thay hoặc buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng
- \* Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN trong HTCT
- Nhà nước pháp quyền là 1 tất yếu của lịch sử, là sp của nền văn minh nhân loại mà VN cần tiếp thu.
- Chế định Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, một chế độ nhà nước. Trong lịch sử loài người chỉ có 4 kiểu nhà nước
- Nhà nước pháp quyền là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước để thực hiện quyền lực nhà nước

b, *Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong hệ thống chính trị*

- \* Thuật ngữ này xuất hiện lần đầu tiên tại TW2 (Khóa VII) năm 1991
- \* Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử, là sản phẩm của nền văn minh nhân loại, Việt Nam cần tiếp thu.
  - **Nội dung của khái niệm Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam**
- Chế định Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước, một chế độ nhà nước. Trong lịch sử loài người chỉ có 4 kiểu nhà nước.
- Nhà nước pháp quyền là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước để thực hiện quyền lực nhà nước.

• **Nhà nước pháp quyền XHCNVN được xd theo 5 đặc điểm:**

- *Một là*, đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân
- *Hai là*, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
- *Ba là*, nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội
- *Bốn là*, nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- Năm là, nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận
    - **Để việc xây dựng NN pháp quyền cần thực hiện tốt 1 số biện pháp lớn sau đây:**
  - Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi trong các văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và các quyết định của cơ quan công quyền
  - Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của quốc hội để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.
  - Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.
  - Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người.
  - Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và uỷ ban nhân dân, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.
- c, *Xây dựng MTTQ và các tổ chức CT-XH trong HTCT*
- Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội phải được xác định rõ hơn và phải được thể chế hóa
  - Đổi mới hoạt động của các chủ thể này

## **CHƯƠNG 7: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HOÁ, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### ***I - Quá trình đổi mới tư duy của Đảng về xây dựng, phát triển nền văn hoá thời kì đổi mới đất nước***

#### ***1. Khái niệm văn hoá Việt Nam***

- Theo nghĩa rộng: văn hoá VN là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do cộng đồng các dân tộc VN sáng tạo ra trong quá trình dựng nước và giữ nước
- Theo nghĩa hẹp:
  - + văn hoá là đời sống tinh thần của xã hội
  - + văn hoá là các giá trị truyền thống lối sống
  - + văn hoá là năng lực sáng tạo của dân tộc
  - + văn hoá là bản sắc dân tộc để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác

#### ***2. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển nền văn hoá***

- ĐH VII (1991):
  - + Nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hoá VN: tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc (cương lĩnh 1991)
  - + Nhận thức rõ hơn tiêu chí “xây” và “chống” trong văn hoá
  - + Khởi động tư duy chính trị về hội nhập: VN muốn là bạn tốt với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì độc lập hoà bình và phát triển, đây là cơ sở chính trị cho việc triển khai tư duy về hội nhập văn hoá
- Nghị quyết 01-NQ/TQ ngày 28/3/1992 của bộ chính trị về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay

- + Trong nhiều năm qua nội dung đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận hầu như chỉ bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mac - Lênin, chưa coi trọng việc nghiên cứu các trào lưu khác và tiếp cận những thành tựu khoa học của thế giới. Hậu quả là số đông cán bộ lý luận thiếu hiểu biết rộng rãi về kho tàng trí thức của loài người, do đó khả năng phát triển bị hạn chế
- Nguyên nhân
- + có nguyên nhân khách quan bắt nguồn từ những hạn chế lịch sử: sự lạc hậu chung về nhận thức lý luận và sự chậm trễ của khoa học XH kéo dài nhiều thập kỷ trong cả hệ thống XHCN thế giới
- + có nguyên nhân chủ quan từ lãnh đạo TW và các cấp
- Phương hướng khắc phục: đối với các học thuyết khác ngoài chủ nghĩa Mac - Lênin về XH cần được nghiên cứu trên quan điểm khách quan biện chứng, vừa chống chủ nghĩa giáo điều, vừa chống lại chủ nghĩa xét lại, cơ hội
- Biện pháp chủ yếu
- + xây dựng quy chế dân chủ trong hoạt động nghiên cứu và quản lý công tác lý luận, phát huy đầy đủ tự do sáng tạo trong khám phá chân lý
- + nhận thức rõ hơn về chức năng của văn hoá: nền tảng tinh thần của XH, về vai trò của văn hoá: vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển
- + xác định vai trò đặc biệt của giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ: là động lực và có vị trí then chốt trong phát triển kinh tế XH
- NQTW5 (khoá VIII): 5 quan điểm chỉ đạo quá trình phát triển văn hoá trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
- NQTW9 (khoá IX): phát triển văn hóa phải đồng bộ với phát triển kinh tế
- NQTW10 (khoá IX): phải gắn kết 3 nhiệm vụ phát triển kinh tế, chính đôn Đảng và phát triển văn hoá
- NQTW10 (khoá IX): đánh giá sự biến đổi văn hoá trong quá trình đổi mới đòi hỏi phải đổi mới sự lãnh đạo và quản lý văn hoá

### **3. Quan điểm chỉ đạo và chủ trương về phát triển KT-XH**

*Các quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển văn hoá*

- ❖ **Một là**, văn hoá là nền tảng tinh thần của XH, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế XH
- Văn hoá là nền tảng tinh thần của XH  
Văn hoá được tạo thành bởi một hệ các giá trị tạo nên bản sắc của mỗi dân tộc, các giá trị này thấm nhuần trong mỗi con người và cả cộng đồng, được tiếp nối qua các thế hệ, được vật chất hoá bền vững trong cấu trúc kinh tế XH. Nó tác động hàng ngày đến cuộc sống vật chất tinh thần của mọi thành viên bằng môi trường văn hoá XH
- Văn hoá là động lực thúc đẩy sự phát triển
- + Văn hoá là kết quả của sự sáng tạo con người thể hiện tiềm năng sáng tạo của dân tộc. Vì vậy nó là nguồn lực nội sinh cho sự phát triển của dân tộc đó
- + Kinh nghiệm đổi mới thành công chứng minh luận điểm trên
- + Trong nền kinh tế tri thức thì tri thức, kỹ năng trở thành nguồn lực quan trọng nhất cho sự phát triển
- + Vai trò động lực và điều tiết của văn hoá trong kinh tế thị trường
- + Vai trò động lực của văn hoá trong hội nhập và bảo vệ môi trường

- + Văn hoá có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng XH mới
- Văn hoá là một mục tiêu của phát triển
- + Mục tiêu: dân giàu nước mạnh, XH công bằng dân chủ văn minh là mục tiêu văn hoá
- + Chiến lược phát triển kinh tế XH xác định: mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Đó là chiến lược phát triển bền vững
- + Trong thực tế nhận thức và hành động, mục tiêu kinh tế vẫn thường lấn át mục tiêu XH. Văn hoá vẫn thường bị xem là đứng ngoài kinh tế. Hệ quả là kinh tế có thể tăng trưởng nhưng văn hoá bị suy giảm
- ❖ **Hai là**, nền văn hoá mà ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc
  - *tiên tiến* là yêu nước là tiến bộ
  - *tiên tiến* không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong phương tiện chuyển tải nội dung
  - *bản sắc dân tộc* bao gồm cả những giá trị văn hoá truyền thống bền vững của dân tộc VN; thể hiện sức sống bên trong của dân tộc
  - *bản sắc dân tộc* còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo
  - *bản sắc dân tộc* cũng phát triển
- ❖ **Ba là**, nền văn hoá VN là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc VN
  - Hơn 50 dân tộc trên đất nước VN đều có những giá trị và bản sắc văn hoá riêng, bổ sung cho nhau
  - Cả cộng đồng các dân tộc VN có nền văn hoá chung thống nhất
  - Thống nhất cả bao hàm tính đa dạng, đa dạng trong sự thống nhất
- ❖ **Bốn là**, xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân, do đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ tri thức giữ vai trò quan trọng
  - Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng thì xây dựng văn hoá là công việc do mọi người cùng thực hiện
  - Văn hoá là thẩm thấu trong mọi lĩnh vực của đời sống XH do đó thực hành văn hoá là hoạt động hàng ngày của mỗi người dân
  - Quần chúng là người hưởng thụ, tiêu dùng phổ biến sáng tạo và lưu giữ các tài sản văn hoá
  - Các thành phần kinh tế cùng tham gia xây dựng phát triển văn hoá
  - Các lực lượng văn hoá luôn giữ vai trò nòng cốt
- ❖ **Năm là**, văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng
  - Văn hoá là một mặt trận của cách mạng VN, quan trọng và gian khổ không kém mặt trận kinh tế, mặt trận chính trị
  - Hoạt động xây và chống trong văn hoá là quá trình cách mạng lâu dài khó khăn phức tạp và cần có ý chí cách mạng có tính chiến đấu tính kiên trì thận trọng
- ❖ **Sáu là**, giáo dục đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu
  - Trong văn hoá theo nghĩa rộng thì giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là các lĩnh vực có tầm quan trọng đặc biệt trong thời đại kinh tế tri thức

- Nhận thức được điều này ngay từ hội nghị TW2, khoá VIII (tháng 12-1996) đảng ta đã xác định: cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu
- Trong thực tế điều hành chúng ta đã chưa làm đúng nhận thức này. Hai lĩnh vực này đang có nhiều lúng túng, bất cập
- b. *Chủ trương xây dựng và phát triển nền văn hoá*
  - ❖ **Một là**, phát triển văn hoá gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế XH
    - Khi xác định mục tiêu phát triển văn hoá phải căn cứ và hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế XH, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế và ngược lại
    - Phải xây dựng chính sách kinh tế trong văn hoá để gắn văn hoá với hoạt động kinh tế, khai thác tiềm năng kinh tế của văn hoá
    - Phải xây dựng chính sách văn hoá trong kinh tế để chủ động đưa các yếu tố văn hoá thâm nhập vào các hoạt động kinh tế XH
  - ❖ **Hai là**, làm cho văn hoá thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống XH
    - Đó là con đường để các giá trị văn hoá trở thành nền tảng tinh thần bền vững của XH trở thành động lực phát triển kinh tế XH
  - ❖ **Ba là**, bảo vệ bản sắc dân tộc mở rộng giao lưu tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại
    - Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu lỗi thời trong phong tục tập quán và lề thói cũ
    - Chủ động tham gia hội nhập và giao lưu văn hoá với các quốc gia, xây dựng những giá trị mới của văn hoá đương đại
  - ❖ **Bốn là**, đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý nội dung, phương pháp dạy và học thực hiện chuẩn hoá hiện đại hoá xã hội hoá chấn hưng nền giáo dục VN
  - ❖ **Năm là**, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ: phấn đấu đến năm 2010 năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng
  - ❖ **Sáu là**, xây dựng và hoàn thiện các giá trị mới và nhân cách con người VN trong thời kì công nghiệp hoá hiện đại hoá và hội nhập quốc tế

## ***II - Quá trình đổi mới nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề XH thời kì đổi mới đất nước***

### ***1. Quá trình đổi mới nhận thức về các vấn đề XH***

- ĐH VI: lần đầu tiên trình bày phương hướng, nhiệm vụ chính sách XH thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách XH, khắc phục coi nhẹ chính sách XH, tức là coi nhẹ yếu tố con người
- ĐH VII: bổ sung quan niệm
- + Mục tiêu của chính sách XH thống nhất với mục tiêu phát triển, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người
- + Phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách XH, đồng thời thực các CSXH là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế
- ĐH VIII: chủ trương về hệ thống chính sách XH phải được hoạch định theo những quan điểm sau:

- + Gắn tăng trưởng kinh tế với CBXH ngay trong từng bước đi và trong giai đoạn phát triển
- + Thực hiện nhiều hình thức phân phối
- + Khuyến khích làm giàu hợp pháp tích cực xoá đói giảm nghèo
- + Các vấn đề XH đều được theo tinh thần xã hội hoá
- ĐH IX: Đảng giải quyết các vấn đề XH phải hướng vào phát triển kinh tế và lành mạnh hoá XH thực hiện công bằng và phân phối bình đẳng trong quan hệ XH khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp
- ĐH X: chủ trương kết hợp mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH trong cả nước, từng đơn vị, địa phương
- Hội nghị TW4 khoá X (1-2007): phải giải quyết tốt các vấn đề XH nảy sinh trong quá trình thực thi các cam kết với WTO
- CP đầu năm 2008: trong chiến lược chống lạm phát đã chủ trương mở rộng các chính sách an sinh XH

## **2. Quan điểm về giải quyết các vấn đề XH**

- Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu XH
- + Kết hợp để giải quyết các vấn đề XH ngay từ khi xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế
- + Kết hợp để lường trước được tác động và hậu quả XH có thể xảy ra do mục tiêu phát triển kinh tế để chủ động xử lý
- + Kết hợp để tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa chính sách XH và chính sách kinh tế
- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, CBXH trong từng bước và từng chính sách phát triển
- + Nhiệm vụ gắn kết này không dừng lại như một khẩu hiệu, một lời khuyến nghị mà phải được pháp chế hoá thành các thể chế có sức cưỡng chế, buộc các chủ thể phải thực hiện
- + Chúng ta hiện đang thiếu các thể chế này
- Chính sách XH được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ
- + Xoá bỏ quan điểm bao cấp, cào bằng, cơ chế xin cho trong chính sách XH
- + Thực hiện yêu cầu CBXH và tiến bộ XH trong chính sách XH
- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực XH
- + Quan điểm này khẳng định mục tiêu cuối cùng và cao nhất của sự phát triển không phải là số lượng tăng trưởng mà là vì con người, vì một XH công bằng dân chủ văn minh
- + Phát triển theo quan điểm này là phát triển bền vững

## **3. Chủ trương giải quyết các vấn đề XH**

- Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiệu quả mục tiêu xoá đói, giảm nghèo, làm giàu theo pháp luật và không quay lưng lại XH
- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập chăm sóc sức khỏe cộng đồng
- + Xây dựng hệ thống an sinh XH đa dạng
- + Đa dạng hoá các loại hình cứu trợ XH
- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam

- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khoẻ và cải thiện giống nòi
- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình
- + Đảm bảo bình đẳng giới
- + Chống nạn bạo hành trong quan hệ gia đình
- Chú trọng các chính sách ưu đãi XH
- Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng

## **CHƯƠNG VIII: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**

### ***I – Quá trình hình thành, phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng.***

#### ***1. Hoàn cảnh lịch sử***

- Tình hình thế giới từ giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX.
  - Từ giữa những năm 1980, cuộc cách mạng KH và CN (đặc biệt là CNTT) tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho LLSX của các quốc gia phát triển mạnh.
  - Các nước XHCN lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng đặc biệt là sự sụp đổ chế độ XHCN của Liên Xô đầu những năm 1990. Từ đó hình thành nên một trật tự thế giới mới.
  - Xu thế chung của thế giới là muốn hợp tác để phát triển kinh tế do vậy các nước điều chỉnh chính sách đối nội, đối ngoại phù hợp với tình hình mới. Nhất là các nước đang phát triển phải đổi mới tư duy về hoạt động đối ngoại, thực hiện chính sách đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, mở rộng và tăng cường liên kết với các nước phát triển. Nhằm thu hút nguồn vốn, công nghệ mở rộng thị trường...
  - Quan niệm về vị thế, sức mạnh của một quốc gia có sự thay đổi nếu trước đây sức mạnh của một quốc gia là quân sự thì nay sức mạnh quốc gia về kinh tế, văn hoá, xã hội... Trong đó kinh tế là quan trọng nhất.
  - Quá trình toàn cầu hoá và tác động của nó
  - Khái niệm: Toàn cầu hoá là quá trình LLSX và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua các rào cản biên giới quốc gia và khu vực lan toả ra phạm vi toàn cầu.
  - Đặc trưng của toàn cầu hoá là hàng hoá, vốn, sức lao động... vận động thông thoáng, sự phân công lao động mang tính quốc tế, quan hệ kinh tế giữa các quốc gia đan xen, hình thành mạng lưới quan hệ đa chiều.
  - Tác động của toàn cầu hoá:
  - + Tích cực: Thị trường được mở rộng, các hoạt động thương mại, dịch vụ tăng mạnh đã thúc đẩy sản xuất phát triển ở các nước. Vốn, KHCN, kinh nghiệm quản lý, đầu tư được luân chuyển tạo ra môi trường hoà bình, hợp tác giữa các nước trên nguyên tắc cùng có lợi.
  - + Tiêu cực: Tạo nên sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế và gia tăng sự phân cực giữa các nước giàu nghèo. Do các nước công nghiệp phát triển thao túng và chi phối quá trình toàn cầu hoá.  
Đại hội lần thứ IX của Đảng chỉ rõ “Toàn cầu hoá kinh tế là một xu hướng khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia. Xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác vừa có đấu tranh”.
- Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương. (Hơn 80 nước)



- Mặc dù còn nhiều bất ổn như phát triển vũ khí hạt nhân, tranh chấp lãnh hải vùng biển Đông và việc các nước lớn trong khu vực đang tìm cách tranh giành ảnh hưởng, giàu nghèo trong khu vực ngày càng cao nhưng châu Á - Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định nhất.
- Là khu vực có tiềm lực kinh tế mạnh và năng động nhất với xu hướng chung là hoà bình, hợp tác cùng có lợi.
- Yêu cầu của cách mạng Việt Nam: Giải toả thù địch, đối đầu, phá thế bao vây, cấm vận tiến tới bình thường và hợp tác với các nước phương Tây. Phải chống tụt hậu về mặt kinh tế bằng cách phát triển nội lực và tranh thủ ngoại lực thông qua cách chính sách đối nội, đối ngoại.

## **2. Các giai đoạn hình thành và phát triển đường lối.**

### ***Giai đoạn 1986-1996.***

- Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế. Đây là giai đoạn mở cửa đơn phương, quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra một chiều.
- Độc lập tự chủ trong việc xác định đường lối quan hệ kinh tế hợp tác với các nước mà không phụ thuộc vào nước ngoài.
- Thể hiện của đường lối
  - + Tháng 12/1987, lần đầu tiên Luật đầu tư nước ngoài tại VN được ban hành
  - + Năm 1989 lần đầu tiên VN xoá bỏ độc quyền trong kinh doanh xuất nhập khẩu.
  - + Tháng 5/1988 Bộ Chính trị ra nghị quyết số 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới là phải củng cố và giữ vững hoà bình để tập chung xây dựng và phát triển kinh tế với các chủ trương đổi mới tư duy qhệ quốc tế và chuyển hướng chỉ đạo chiến lược đối ngoại của Đảng trong tình hình mới. Đặt nền móng cho sự hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.
- + Đại hội VII (6/1991) đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”
  - \* Cơ sở đưa ra đường lối nhận biết được lợi ích trong quan hệ không chỉ cho giai cấp mà còn có lợi cho toàn thể dân tộc, khu vực.
  - \* Phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phân đầu vì hoà bình, độc lập và phát triển”  
Tóm lại: Phương châm và về hoạt động kinh tế đối ngoại của Đảng ta là mục tiêu chung của thời đại, phân đầu vì hoà bình và phát triển.
- \* Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được Đại hội VII thông qua đã xác định mục tiêu hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới
- \* Các Hội nghị TW (khoá VII) tiếp tục cụ thể hoá quan điểm Đại hội VII về lĩnh vực đối ngoại. Trong đó Hội nghị 3 khoá VII (6/1992) nhấn mạnh yêu cầu đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.
- \* Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (1/1994) triển khai mạnh mẽ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, đa dạng hoá, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại.

### ***Giai đoạn 1996 đến nay.***

- Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.
  - Đại hội VIII của Đảng (6/1996) tiếp tục mở rộng, đẩy mạnh quan hệ kinh tế quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước và xây dựng nền kinh tế mở như tăng cường quan hệ kinh tế với các nước láng giềng, nước ASEAN...
  - Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII (12/1997) chỉ rõ: trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán lâu dài chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài. Khẩn trương và vững trắc việc đàm phán Hiệp định thương mại với Mỹ gia nhập APEC và WTO.
  - So với Đại hội VII thì Đại hội VIII có nhiều tích cực hơn như:
    - + Một là: Chủ trương mở rộng quan hệ với các Đảng cầm quyền và các Đảng khác.
    - + Hai là: Quán triệt yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với các tổ chức phi chính phủ.
    - + Ba là : Lần đầu tiên Đảng ta đưa ra chủ trương thử nghiệm để tiến tới thực hiện đầu tư nước ngoài.
  - Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) Đảng nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực.
    - + Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ về đường lối, chính sách.
    - + Có tiềm lực kinh tế đủ mạnh. Kết hợp nội lực và ngoại lực để hình thành nguồn lực tổng hợp phát triển đất nước
    - + Đủ điều kiện để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế .
  - Đại hội IX đã phát triển phương châm Đại hội VII là “Việt Nam muốn là bạn các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” thành “VN sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”
    - + Tháng 11/2001 Bộ Chính trị ra nghị quyết 07 về hội nhập kinh tế quốc tế với 9 nhiệm vụ và 6 phương pháp tổ chức hội nhập
    - + Ngày 5/1/2004 Hội nghị lần thứ 9 nhấn mạnh chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm ra nhập WTO Và kiên quyết đấu tranh với các lợi ích cục bộ kìm hãm quá trình hội nhập.
  - Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X (4/2006) tiếp tục thực hiện quan điểm Đại hội IX đồng thời đề ra chủ trương:
    - + Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong việc quyết định đường lối chính sách lường trước những khó khăn, thử thách cũng như tận dụng thuận lợi.
    - + Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế là khẩn trương chuẩn bị điều chỉnh đổi mới bên trong sao cho phù hợp với nhiệm vụ và tình hình mới.
- Kết Luận:** Chứng tỏ nền kinh tế VN sau 10 năm đổi mới (1986-1996) đến Đại hội X (4/2006) đã có bước phát triển đồng thời Đảng ta đã nhận thức được trong quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra một cách đồng bộ. Hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ kinh tế quốc tế.

## ***II - Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới.***

### ***1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo.***

Cơ hội và thách thức.

Cơ hội và thách thức có mối quan hệ, tác động qua lại, có thể chuyển hoá lẫn nhau. Tận dụng tốt cơ hội sẽ tạo ra thế và lực mới vượt qua thách thức.

- Về cơ hội:
- + Xu thế hoà bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu hoá kinh tế tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác phát triển kinh tế.
- + Thặng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của nước ta trên trường quốc tế, tạo tiền đề mới cho quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.
- Về thách thức:
- + Những vấn đề về toàn cầu hoá như phân hoá giàu nghèo, dịch bệnh... gây ra tác động tiêu cực đối với nước ta.
- + Sức ép cạnh tranh gay gắt trên cả ba cấp độ: Sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia cùng với đó những biến động thị trường quốc tế đang là thách thức to lớn đối với nền kinh tế VN.
- + Lợi dụng quá trình toàn cầu hoá các thế lực thù địch sử dụng chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền" chống phá chế độ chính trị và sự ổn định, phát triển của nước ta.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại.
- Nhiệm vụ.
- + Giữ vững môi trường hoà bình, ổn định: tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc đổi mới phát triển kinh tế- xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ Quốc.
- + Mở rộng đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế. Kết hợp nội lực và ngoại lực tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh quá trình CNH-HĐH.
- Mục tiêu.
- + Thực hiện dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phát huy và nâng cao vị thế của VN trong quan hệ quốc tế, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc dân chủ và tiến bộ xã hội.
- Tư tưởng chủ đạo.
- Bảo đảm lợi ích của dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc XHCN, thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng của VN.
- Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường đi đôi với đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại.
- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ quốc tế. Đấu tranh để hợp tác, tránh trực diện đối đầu, bị đẩy vào thế cô lập.
- Mở rộng quan hệ với mọi quốc gia và vùng lãnh thổ ko phân biệt chế độ chính trị.
- Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân.
- Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội: giữ gìn bản sắc dân tộc bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình hội nhập.
- Phát huy tối đa nội lực đi đôi với thu ngoại lực: Vốn, KHCN...
- + Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ
- + Tạo ra và sử dụng có hiệu quả lợi thế so sánh của đất nước trong quá trình hội nhập.
- Cải thiện thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và theo lộ trình cam kết hội nhập WTO.
- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ

Đề cương Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam  
của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc tiến trình  
hội nhập kinh tế quốc tế.

## **2. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.**

- Nghị quyết Hội nghị TƯ khóa X (2/2007) đã đề ra một số chủ trương chính sách lớn.
- Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững: tạo sự bình đẳng trong việc hoạch định chính sách thương mại toàn cầu, bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp VN và hạn chế được thiệt hại trong hội nhập.
- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp: tận dụng cơ hội, vượt qua thử thách, từng bước dần dần mở cửa thị trường theo lộ trình hợp lý.
- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế với các nguyên tắc, quy định của WTO.
- + Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.
- + Đa dạng các hình thức sở hữu, phát triển kinh tế nhiều thành phần.
- + Thúc đẩy sự hình thành và phát triển và từng bước hoàn thiện thị trường.
- + Xây dựng sắc thuế công bằng, thống nhất đơn giản thuận tiện cho mỗi chủ thể kinh doanh.
- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả hiệu lực của bộ máy nhà nước: Loại bỏ thủ tục ko cần thiết, công khai minh bạch mọi chính sách..
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế: Nâng cao năng lực điều hành của Chính phủ, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp nói chung và sản phẩm nói riêng.
- Giải quyết tốt các vấn đề văn hoá, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập:
- + Giữ gìn và phát huy nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu có chọn lọc trên nguyên tắc "Hòa nhập chứ không hoà tan".
- + Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như giáo dục, bảo hiểm, xoá đói giảm nghèo...
- Giữ vững và tăng cường quốc phòng an ninh trong quá trình hội nhập.
- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng ngoại giao của Nhà nước và đối ngoại của nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại
- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

### ***III - Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân.***

#### **1. Thành tựu và ý nghĩa**

Sau hơn 20 năm đổi mới đường lối mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta đạt được những kết quả

- **Một là**, phá thế bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- **Hai là**, giải quyết hoà bình các vấn đề về biên giới, lãnh thổ biển đảo với các nước liên quan.
- **Ba là**, mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hoá.
- **Bốn là**, tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế.

- **Năm là**, thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.
- **Sáu là**, từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

## **2. Hạn chế và nguyên nhân**

- Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn chúng ta còn bị lúng túng bị động. Chưa xây dựng được lợi ích đan xen, tùy thuộc lẫn nhau với các nước.
- Một số cơ chế chính sách chậm đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh gây ra nhiều khó khăn.
- Chưa hình thành một kế hoạch tổng thể và dài hạn, một lộ trình thích hợp cho quá trình hội nhập.
- Doanh nghiệp nước ta không có khả năng cạnh tranh cao vì quy mô và vốn...nhỏ.
- Đội ngũ cán bộ lĩnh vực đối ngoại chưa đáp ứng được cả về chất lượng và số lượng. Cán bộ doanh nghiệp ít hiểu biết về luật pháp quốc tế và kỹ thuật kinh doanh.